

Phụ lục II

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2024, ĐỐI VỚI NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh)

I. THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

1. Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số (K) năm 2024
		Từ	Đến	
I	Xã Hòa Thuận			
1	Quốc lộ 14	Hết cầu Đạt lý (Thửa 27; TBĐ số 51)	Đường 5A thôn 2 và đường 7B thôn 5 (Thửa 22; TBĐ số 53)	1,30
		Đường 5A thôn 2 và đường 7B thôn 5 (Thửa 01; TBĐ số 53)	Hết UBND xã Hòa Thuận (Hết thửa 55; TBĐ số 46)	1,30
		Hết UBND xã Hòa Thuận (Hết thửa 55; TBĐ số 46)	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột (Thửa 22; TBĐ số 42)	1,20
2	Đường vào thôn Kiên Cường	Quốc lộ 14 (Thửa 268; TBĐ số 43)	Đến đập hồ Đạt lý (Hết thửa 03; TBĐ số 32)	1,30
3	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
4	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
II	Xã Cư Ebur			
1	Tỉnh lộ 5	Cầu ranh giới xã Cư Êbur (Thửa 24; TBĐ số 102)	Hết trụ sở UBND xã (Hết thửa 51; TBĐ số 99)	1,60
		Hết trụ sở UBND xã (Hết thửa 51; TBĐ số 99)	10 tháng 3 (Hết thửa 183; TBĐ số 88)	1,60
		10 tháng 3 (Thửa 171; TBĐ số 88)	Ngã ba đường vào thôn 8 (Hết thửa 147; TBĐ số 80)	1,60
		Ngã ba đường vào thôn 8 (Hết thửa 147; TBĐ số 80)	Ranh giới huyện Buôn Đôn (Hết thửa 131; TBĐ số 11)	1,60
2	Các trục đường chính tại xã Cư ÊBur			

	Đường A	Tỉnh lộ 5 (Thửa 316; TBĐ số 93)	10 tháng 3 (Hết thửa 13; TBĐ số 92)	1,30
		Tỉnh lộ 5 (Thửa 110; TBĐ số 93)	Đường giải phóng cũ (Hết thửa 62; TBĐ số 94)	1,30
	Đường B	Tỉnh lộ 5 (Thửa 183; TBĐ số 93)	10 tháng 3 (Hết thửa 26; TBĐ số 92)	1,30
		10 tháng 3 (Thửa 217; TBĐ số 87)	Hết khu dân cư (Giáp đường dây 500KV - Hết thửa 19; TBĐ số 85)	1,30
		Tỉnh lộ 5 (Thửa 66; TBĐ số 94)	Đường giải phóng cũ (Hết thửa 101; TBĐ số 94)	1,30
	Đường C	Tỉnh lộ 5 (Thửa 237; TBĐ số 93)	Cổng trước Nhà thờ Châu Sơn (Hết thửa 148; TBĐ số 93)	1,30
		Cổng sau Nhà thờ Châu Sơn (Thửa 119; TBĐ số 92)	10 tháng 3 (Hết thửa 70; TBĐ số 92)	1,30
		10 tháng 3 (Thửa 433; TBĐ số 92)	Hết địa bàn thôn 3 (Hết thửa 43; TBĐ số 85)	1,30
	Đường D	Tỉnh lộ 5 (Hết thửa 235; TBĐ số 94)	Hết khu dân cư (Giáp 10 tháng 3 - Hết thửa 110; TBĐ số 92)	1,30
3	Đường A1, A2, A3 (Buôn Đung)			1,30
4	Đường A4, A5, A6, A7 (Buôn Đung)			1,30
5	Đường A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14 (Buôn Đung)			1,30
6	Đường liên thôn	Ngã ba tượng thánh Gioan (Thửa 177; TBĐ số 87)	Ngã ba tỉnh lộ 5 (Hết thửa 144; TBĐ số 83)	1,30
7	Giải phóng (Đoạn xã Cư ÊBur)	Giáp ranh phường Tân Lợi (Thửa 195; TBĐ số 45)	10 tháng 3 (Hết thửa 105; TBĐ 53)	1,30
8	Y Moan Ênuôl nối dài	Giáp ranh phường Tân Lợi (Thửa 146; TBĐ số 37)	Đường trục 2 buôn Dă Prông (Hết thửa 67; TBĐ số 70)	1,50
9	Đường giao thông trục 1 buôn Dă Prông	Y Moan Ênuôl về phía bên trái (Thửa 164; TBĐ số 70)	Hết thửa đất số 288, 315; TBĐ số 68	1,20
		Y Moan Ênuôl về phía bên phải (Thửa 985; TBĐ số 70)	Hết thửa đất số 649; TBĐ số 37	1,20
10	Đường giao thông trục 2 buôn Dă Prông	Y Moan Ênuôl về phía bên trái (Thửa 22; TBĐ số 70)	Hết thửa đất số 181; TBĐ số 24 và thửa đất số 5; TBĐ số 35	1,20

		Y Moan Ênuôl về phía bên phải (Thửa 923; TBĐ số 70)	Hết địa giới xã Cư Êbur (Hết thửa 108; TBĐ số 38)	1,20
11	10 tháng 3	Đoạn qua xã Cư ÊBur		1,10
12	Đất các khu vực còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1,30
	Đường rộng dưới 5m			1,30
13	Đất khu vực còn lại (Thôn 8)			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
III	Xã Ea Tu			
1	Nguyễn Văn Linh (Quốc lộ 14)	Bắt đầu từ ranh giới xã Ea Tu (Thửa 04; TBĐ số 12)	Hết cầu Đạt lý (Hết thửa 31; TBĐ số 57)	1,30
		Hết cầu Đạt Lý (Thửa 05; TBĐ số 57)	Hết địa bàn xã Ea Tu (Hết thửa 01; TBĐ số 92)	1,30
2	Đường giao thông qua UBND xã Ea Tu	Nguyễn Văn Linh (Thửa 58; TBĐ số 56)	Ngã ba đường đi Liên Doanh 2 buôn Krông A (Hết thửa 64; TBĐ số 62)	1,40
		Ngã ba đường đi Liên Doanh 2 buôn Krông A (Thửa 69; TBĐ số 62)	Hết ngã tư sân bóng Buôn Ko Tam (Hết thửa 321; TBĐ số 85)	1,40
		Hết ngã tư sân bóng Buôn KoTam (Thửa 34; TBĐ số 84)	Quốc lộ 26 (Hết thửa 71; TBĐ số 85)	1,40
3	Phạm Văn Đồng (Quốc lộ 26)	Hết địa bàn phường Tân Hòa (Thửa 33; TBĐ số 40)	Hết địa bàn TP Buôn Ma Thuật (Hết thửa 36; TBĐ số 77)	1,50
4	Đường nối Nguyễn Văn Linh với Hà Huy Tập (Ranh giới phường Tân An với xã Ea Tu)	Nguyễn Văn Linh (Thửa 24; TBĐ số 56)	Hết ranh giới xã Ea Tu	1,40
5	Đường vào thôn Kiên Cường, xã Hòa Thuận	Quốc lộ 14 (Thửa 307; TBĐ số 51)	Ngã ba nhà ông Phan Thanh Hiền (Thửa 133, TBĐ số 47)	1,30
6	Đất khu vực còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			1,30
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30

IV	Xã Hòa Thắng			
1	Đam San	Nguyễn Thái Bình (Thửa 89; TBĐ số 60)	Cổng Sân bay Buôn Ma Thuột (Hết thửa 06; TBĐ số 62)	2,00
2	Nguyễn Lương Bằng	Cầu km5 (Thửa 78; TBĐ số 03)	Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) - (Hết thửa 216; TBĐ số 52)	1,40
		Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) - (Hết thửa 216; TBĐ số 52)	Nguyễn Thái Bình (Hết thửa 80; TBĐ số 60)	2,00
3	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Lương Bằng (Thửa 88; TBĐ số 60)	Đường vào buôn Kom Leo (Hết thửa 50; TBĐ số 83)	2,00
		Đường vào buôn Kom Leo (Hết thửa 50; TBĐ số 83)	Hết thửa đất số 397; 410, tờ bản đồ 83	1,20
		Hết thửa đất số 397; 410, tờ bản đồ 83	Hết địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	1,20
4	Đường vào Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)	Nguyễn Lương Bằng (Thửa 507; TBĐ số 52)	Nhà bà Châu (Hết thửa 45; TBĐ số 50)	1,40
5	Đường vào buôn Kom Leo	Doanh trại Bộ đội Thôn 5 (Thửa 48; TBĐ số 83)	Hết khu dân cư thôn 4 (Hết thửa 364; TBĐ số 27)	1,30
6	Đường vào buôn Ea Chu Kấp	Ngã ba (Số 173 Nguyễn Thái Bình)	Ngã ba nhà ông Bùi Văn Hùng (Thửa 8, TBĐ số 74)	1,20
7	Đường vào buôn Ea Chu Kấp	Ngã ba (Trụ sở Công ty Việt Thắng)	Đất nông nghiệp Công ty Việt Thắng cũ (Thửa 20, TBĐ số 28)	1,20
8	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Lương Bằng (Cả 2 bên), đoạn từ Cầu km5 đến Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ)			1,20
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,20
9	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Lương Bằng, đoạn từ Ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) đến Nguyễn Thái Bình			
	* Phía thôn 2, thôn 3			
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,20
	* Phía ngã ba Viện KH NLN Tây Nguyên (Cũ) đến đường Đam San			

	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
10	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình, đoạn từ Nguyễn Lương Bằng đến đường vào buôn Kom Leo	
	* Phía thôn 3, thôn 5	
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	* Phía thôn 8, thôn 9	
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
11	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình (Cả 2 bên), đoạn từ đường vào buôn Kom Leo đến Bên trái ranh giới Trụ sở Công ty Việt Thắng, bên phải đường vào thôn 4 (Đội 2 cũ) dài khoảng 300m	
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,20
12	Các hẻm cấp 1 đường Nguyễn Thái Bình (cả 2 bên) đoạn từ bên trái ranh giới Trụ sở Công ty Việt Thắng, bên phải đường vào thôn 4 (Đội 2 cũ) đến hết địa bàn xã Hoà Thắng dài khoảng 300m	
	Đường rộng từ 5m trở lên (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,30
	Đường rộng dưới 5m (trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)	1,30
13	Khu dân cư 2,9 ha thôn 11 xã Hoà Thắng	
	Đường giao với đường Nguyễn Lương Bằng	1,30
	Đường song song với đường Nguyễn Lương Bằng	1,30
14	Các tuyến đường trong khu vực còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)	
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)	1,30
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)	1,30
15	Khu tái định cư thôn 1, xã Hoà Thắng	
	- Đường số 1: quy hoạch rộng 12m	1,50
	- Đường số 2: quy hoạch rộng 12m	1,50
	- Đường số 3: quy hoạch rộng 12m	1,50
	- Đường số 4: quy hoạch rộng 12m	1,50
	- Đường số 5: quy hoạch rộng 12m	1,50
	- Đường số 6: quy hoạch rộng 12m	1,50
	- Đường số 7: quy hoạch rộng 12m	1,50

16	Đường Đông Tây - đoạn qua xã Hòa Thắng			1,50
V	Xã Ea Kao			
1	Y Wang (Nối dài)	Cầu Ea Kniêr (Thửa 01; TBD số 65)	Hết Bưu điện (Ngã 3 đi Thôn 4, xã Ea Kao) - (Hết thửa 69; TBD số 75)	1,30
		Hết Bưu điện (Ngã 3 đi Thôn 4, xã Ea Kao)	Đập Ea Kao (Thửa 419; TBD số 81)	1,30
2	Đường trục chính xã Ea Kao (đi qua thôn 4)	Y Wang (Hết thửa 77; TBD số 75)	Ngã ba đi Lâm Viên (Hết thửa 81; TBD số 92)	1,50
		Ngã ba đi Lâm Viên (Hết thửa 82; TBD số 92)	Hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột	1,50
3	Đường giao thông đi vào thôn Cao Thành	Y Wang (Thửa 528; TBD số 72)	Mương thủy lợi N2 (Hết thửa 08; TBD số 20)	1,30
4	Đường giao thông đi vào đập hồ Ea Kao	Từ Y Wang (Nối dài) Thửa 402; TBD 76	Hết thửa 10; TBD số 83	1,20
5	Đất khu vực còn lại dọc 2 bên đường Y Wang nối dài (Đoạn từ cầu Kniêr đến hết ngã ba Bưu Điện)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1,20
	Đường rộng dưới 5m			1,20
6	Đất khu vực còn lại dọc 2 bên đường Y Wang nối dài (Đoạn từ ngã ba Bưu Điện đến Đập Ea Kao)			
	Đường rộng từ 5m trở lên			1,30
	Đường rộng dưới 5m			1,30
7	Đất khu vực còn lại dọc 2 bên đường trục chính xã Ea Kao (Đoạn từ Ngã ba Bưu điện đến hết địa bàn TP Buôn Ma Thuột)			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
VI	Xã Hòa Phú			
1	Quốc lộ 14	Giáp xã Hòa Khánh (Thửa 14; TBD số 97)	Ngã 3 đường đi xã Hoà Xuân (Hết thửa 11; TBD số 113)	1,20
		Ngã 3 đường đi xã Hoà Xuân (Thửa 12; TBD số 113)	Ngã 3 đường vào hầm đá (Hết thửa 214; TBD số 110)	1,20

		Ngã 3 đường vào hầm đá (Thửa 220; TBĐ số 110)	Ngã 3 đường vào Làng Thái và đường vào thủy điện Buôn Kuốp (Hết thửa 183; TBĐ số 117)	1,20
		Ngã 3 đường vào Làng Thái và đường vào thủy điện Buôn Kuốp (Thửa 182; TBĐ số 117)	Cầu Sêrêpôk	1,20
2	Đường vào hầm đá	Quốc lộ 14 (Thửa 219; TBĐ số 110)	Hội trường thôn 11 (Hết thửa 74; TBĐ số 125)	1,20
3	Đường vào Buôn Tuôr	Quốc lộ 14 (Thửa 56; TBĐ số 118)	Chi hội tin lành Buôn Tuôr (Hết thửa 15; TBĐ số 123)	1,20
4	Đường vào thủy điện Hòa Phú	Quốc lộ 14 (Thửa 174; TBĐ số 117)	Nghĩa địa làng Thái (Hết thửa 28; TBĐ số 96)	1,20
		Nghĩa địa làng Thái (Hết thửa 28; TBĐ số 96)	Ngã 3 thủy điện Hòa Phú (Hết thửa 29; TBĐ số 85)	1,20
5	Đường vào xóm Hội phụ Lão	Quốc lộ 14 (Thửa 242; TBĐ số 116)	Cuối xóm Hội phụ Lão (Thôn 12) - (Hết thửa 89; TBĐ số 123)	1,20
6	Đường vào làng Thái	Quốc lộ 14 (Thửa 289; TBĐ số 116)	Nhà ông Hà Văn Danh (Hết thửa 23; TBĐ số 106)	1,20
7	Đường đi thủy điện Buôn Kuốp	Quốc lộ 14 (Thửa 286; TBĐ số 112)	Suối Ea Tuôr (Hết thửa 266; TBĐ số 122)	1,20
8	Đường giao thông	Quốc lộ 14 (Hết thửa 126; TBĐ số 104)	Cầu buôn M'rê	1,20
9	Đất khu vực còn lại			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
VII	Xã Hòa Khánh			
1	Tổ Hữu (Tinh lộ 2)	Hết ranh giới phường Khánh Xuân (Thửa 161; TBĐ số 15)	Cầu thôn 4 xã Hòa Khánh (Hết thửa 511; TBĐ số 74)	1,20
		Cầu thôn 4 xã Hòa Khánh (Thửa 01; TBĐ số 78)	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột	1,20
2	Quốc lộ 14	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	Đến ranh giới xã Hòa Phú	1,20

3	Đường liên xã đi Ea Kao	Tỉnh lộ 2 (Thửa số 1128; 1137, tờ bản đồ số 15)	Giáp ranh xã Ea Kao	1,20
4	Đường nối QL 14 với tỉnh lộ 2	Quốc lộ 14 (Thửa 95, TĐĐ số 53)	Tỉnh lộ 2 (Hết thửa 1135; TĐĐ số 15)	1,20
5	Đất khu vực còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,20
VIII	Xã Hòa Xuân			
1	Đường giao thông	Cầu buôn M'rê	Đầu địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1,30
		Đầu địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1,30
		Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Ranh giới huyện Buôn Đôn	1,30
		Cầu Buôn Cư Dluê (Thửa 669; TĐĐ số 60)	Hết ranh giới trường THCS Hòa Xuân (Hết thửa 53; TĐĐ số 55)	1,30
		Hết ranh giới trường THCS Hòa Xuân (Hết thửa 53; TĐĐ số 55)	Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	1,20
		Hết địa bàn thôn 4, xã Hòa Xuân	Trụ sở trại lúa giống Hoà Xuân	1,20
2	Đất khu vực còn lại (Ngoài khu vực có tên đường đã xác định trong bảng giá trên)			
	Đường rộng từ 5m trở lên (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30
	Đường rộng dưới 5m (tại vị trí thửa đất xác định giá)			1,30

2. Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số (K) năm 2024
		Từ	Đến	
1	10 tháng 3	Nguyễn Chí Thanh	Phan Bội Châu	1,50
2	30 tháng 4	Phan Bội Châu	Phan Huy Chú	1,50
3	A Dừa	Lê Duẩn	Săm Bẳm	1,50
4	A Mí Đoan	Đầu đường (Thửa 10; TĐĐ số 9 phường Tụ An)	Hết đường (Hết thửa 208, 217; TĐĐ số 82)	1,50
5	A Tranh	Y Nuê	Lê Chân	1,50

6	Ama Jhao	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương (Nối dài)	1,50
7	Ama Khê	Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	1,50
		Hùng Vương	Hết đường (Hết thửa 24, 25; TBD số 17)	1,50
8	Ama Pui	Nguyễn Công Hoan	Nguyễn Đình Chiểu	1,50
9	Ama Quang	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1,50
10	Ama Sa	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1,50
11	An Dương Vương	Trương Công Định	Phan Đình Phùng	1,50
		Phan Đình Phùng	Hết đường (Hết thửa 1; TBD số 24 và hết thửa 219; TBD số 39)	1,50
12	Âu Cơ	Lê Duẩn	Hết đường (Đường Siu Bleh)	1,50
13	Bà Huyện Thanh Quan	Lê Duẩn	Săm Brăm	1,50
14	Bà Triệu	Lê Thánh Tông	Nguyễn Công Trứ	1,50
15	Bạch Đằng	Số 91 Giải Phóng	Hẻm 53 Giải Phóng	1,50
16	Bê Văn Đàn	Bùi Hữu Nghĩa	Lê Duẩn	1,50
17	Bùi Huy Bích	Thăng Long	Đình Tiên Hoàng	1,50
		Đình Tiên Hoàng	Hết đường (Hẻm 59 Nguyễn Du)	1,50
18	Bùi Hữu Nghĩa	Mai Hắc Đế	Cổng sau Tỉnh ủy (Hết thửa 23; TBD số 22)	1,50
		Cổng sau Tỉnh ủy (Hết thửa 23; TBD số 22)	Hết đường (Đền thửa 30, 42; TBD số 22)	1,50
19	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành	Ama Khê	1,50
20	Cao Bá Quát	Trần Văn Phụ	Trần Nhật Duật	1,50
21	Cao Đạt	Nguyễn Tất Thành	Hết đường (Đường Y Som Êban)	1,50
22	Cao Thắng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
		Nguyễn Hữu Thọ	Đồng Khởi	1,50
23	Cao Xuân Huy	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	1,50
24	Cổng Quỳnh	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1,50
25	Chế Lan Viên	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1,50
26	Chu Huy Mân	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1,50
27	Chu Mạnh Trinh	Mai Hắc Đế	Hết đường (Hết thửa 150; TBD số 13)	1,50

28	Chu Văn An	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1,50
		Lý Thái Tổ	Hà Huy Tập	1,50
29	Chu Văn Tấn	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	1,50
30	Cù Chính Lan	Đinh Tiên Hoàng	Hẻm 14 Cù Chính Lan	1,50
		Hẻm 14 Cù Chính Lan	Hết đường (Hẻm 53/15 Lê Duẩn)	1,50
31	Dã Tượng	Làng văn hóa dân tộc	Hẻm 266 Nguyễn Chí Thanh	1,50
		Hẻm 266 Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Hết thửa 68, 87; TĐĐ số 40)	1,50
32	Dương Văn Nga	Mai Hắc Đế	Y Ngông	1,50
33	Đào Doãn Dịch	Phan Bội Châu	Thủ Khoa Huân	1,50
34	Đào Duy Anh	Võ Văn Kiệt	Hết thửa 21; TĐĐ số 90	1,50
		Hết thửa 21; TĐĐ số 90	Hết đường (Hết thửa 52; TĐĐ số 90 và hết thửa 626; TĐĐ số 55)	1,50
35	Đào Duy Từ	Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Hết thửa 41, 56; TĐĐ số 11)	1,50
36	Đào Tấn	Trần Văn Phú	Trần Nhật Duật	1,50
37	Đặng Dung	Nguyễn Đình Chiểu	Y Út Niê	1,50
38	Đặng Nguyên Cẩn	Đinh Tiên Hoàng	Hết đường	1,50
39	Đặng Tất	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Đường Dã Tượng)	1,50
40	Đặng Thai Mai	Phan Chu Trinh	Đặng Dung	1,50
41	Đặng Thái Thân	Mai Hắc Đế	Hẻm 40 Đặng Thái Thân	1,50
		Hẻm 40 Đặng Thái Thân	Giải Phóng	1,50
42	Đặng Trần Côn	Mai Hắc Đế	Hết đường (Đường Đồng Sỹ Bình)	1,50
43	Đặng Văn Ngữ	Lê Duẩn	Săm Bẳm	1,50
		Săm Bẳm	Hết đường (Thửa 107; TĐĐ số 25)	1,50
44	Đặng Vũ Hiệp	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	1,50
45	Điện Biên Phủ	Nguyễn Công Trứ	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50

		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Hết thửa 146; TBD số 6)	1,50
46	Điền Văn Cải	Lê Duẩn	Hết đường (Đường Săm Brăm)	1,50
47	Đinh Công Tráng	Quang Trung	Hết số nhà 78 Đinh Công Tráng (Thửa 6, TBD số 11)	1,50
		Hết ranh giới số nhà 78 Đinh Công Tráng (Thửa 6, TBD số 11)	Nơ Trang Guh	1,50
48	Đinh Lễ	Hà Huy Tập	Đường quy hoạch rộng 36m	1,50
49	Đinh Núp	Ama Khê	Y Ni Ksor	1,50
50	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Công Trứ	1,50
		Nguyễn Công Trứ	Phạm Hồng Thái	1,50
		Phạm Hồng Thái	Lê Duẩn	1,50
51	Đinh Văn Gió	Y Ni K'sor	Hết đường (Hết thửa 107, 237; TBD 11)	1,50
52	Đoàn Khuê	Nguyễn Chí Thanh	Tôn Đức Thắng	1,50
53	Đoàn Thị Diễm	Lý Thường Kiệt	Tịnh xá Ngọc Quang (Thửa 102, TBD số 8)	1,50
54	Đỗ Nhuận	Hà Huy Tập	Đường quy hoạch rộng 36m	1,50
55	Đỗ Xuân Hợp	Y Moan Êñuôl	Mười Tháng Ba	1,50
56	Đồng Khởi	Nguyễn Chí Thanh	Hà Huy Tập	1,50
		Hà Huy Tập	Y Moan Êñuôl	1,50
		Y Moan Êñuôl	10 tháng 3	1,50
57	Đồng Sỹ Bình	Giải Phóng	Hẻm 40 Dương Văn Nga	1,50
58	Giải Phóng	Lê Duẩn	Y Ngông	1,50
59	Giáp Hải	Hải Triều	Trần Quang Khải	1,50
		Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1,50
60	Hà Huy Tập	Lê Thị Hồng Gấm	Đồng Khởi	1,50
		Đồng Khởi	10 tháng 3	1,50
		10 tháng 3	Bắt đầu ranh giới đất Cụm Công nghiệp Tân An	1,50
		Bắt đầu ranh giới đất Cụm Công nghiệp Tân An	Hết địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	1,50

61	Hai Bà Trưng	Nơ Trang Long	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1,50
62	Hải Thượng Lãn Ông	Lê Thánh Tông	Giáp Hải	1,50
63	Hải Triều	Lê Thánh Tông	Giáp Hải	1,50
64	Hàm Nghi	Phan Bội Châu	Lê Công Kiều	1,50
65	Hàn Mặc Tử	Lê Quý Đôn	Đoàn Khuê	1,50
66	Hàn Thuyên	Trần Phú	Hết đường (Thửa 113; TBD số 13)	1,50
67	Hoàng Diệu	Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	1,50
		Phan Chu Trinh	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,50
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Trãi	1,50
		Nguyễn Trãi	Ngô Mây	1,50
		Ngô Mây	Trương Công Định	1,50
68	Hoàng Đình Ái	Tô Vĩnh Diện	Nguyễn Viết Xuân	1,50
69	Hoàng Hoa Thám	Phan Bội Châu	Y Nông	1,50
70	Hoàng Hữu Nam	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	1,50
71	Hoàng Minh Thảo	Lý Chính Thắng	Cao Thắng	1,40
72	Hoàng Thế Thiện	Y Moan Ênuôl	Thửa 142, TBD số 19	1,50
		Thửa 142, TBD số 19	Hết đường (Hết thửa 660; TBD số 23)	1,50
73	Hoàng Văn Thái	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1,50
74	Hoàng Văn Thụ	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
75	Hoàng Việt	Trần Quang Khải	Hết đường (Hết thửa 210, 124; TBD số 7)	1,50
76	Hồ Giáo	65 Mai Xuân Thưởng	Hẻm 169 Nơ Trang Gùh	1,50
77	Hồ Tùng Mậu	Lê Hồng Phong	Y Nông	1,50
78	Hồ Xuân Hương	Phan Bội Châu	Quang Trung	1,50
79	Hùng Vương	Ngã 6 trung tâm	Đình Tiên Hoàng	1,50
		Đình Tiên Hoàng	Bà Triệu	1,50
		Bà Triệu	Ngã ba Nguyễn Công Trứ	1,50
		Ngã ba Nguyễn Công Trứ	Ama Khê	1,60

		Ama Khê	Ama Jhao	1,60
		Ama Jhao	Hết đường (Trần Quý Cáp)	1,60
80	Huy Cận	Điện Biên Phủ	Lê Hồng Phong	1,50
81	Huỳnh Thúc Kháng	Trần Văn Phú	Trần Nhật Duật	1,50
82	Huỳnh Văn Bánh	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1,50
83	Khúc Thừa Dụ	Lê Duẩn	Sấm Brăm	1,50
84	Kim Đồng	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1,50
85	Kpă Nguyên	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1,50
86	Kpă Púi	231 Ngô Quyền	Tôn Đức Thắng	1,50
87	Lạc Long Quân	Lê Duẩn	Hết đường (Đường Siu Bleh)	1,50
88	Lê Anh Xuân	Trần Quang Khải	Hết đường (Hết thửa 243; TBD số 7 và hết thửa 227; TBD số 6)	1,50
89	Lê Cảnh Tuân	Thế Lữ	Hết đường (Hết thửa 38; 61; TBD số 45)	1,50
90	Lê Chân	Lê Duẩn	Y Nuê	1,50
91	Lê Công Kiều	Mạc Đĩnh Chi	Mai Xuân Thưởng	1,50
92	Lê Duẩn	Ngã 6 trung tâm	Bên phải: Bế Văn Đàn; Bên trái: Thửa 45; TBD số 6 phường Tân Thành	1,50
		Bên phải: Bế Văn Đàn; Bên trái: Thửa 45; TBD số 6 phường Tân Thành	Cầu Ea Tam	1,50
		Cầu Ea Tam	Nguyễn An Ninh	1,50
		Nguyễn An Ninh	Phan Huy Chú	1,50
93	Lê Đại Cang	Số 1A, Bà Triệu	Số 9 Trường Chinh	1,50
94	Lê Đại Hành	Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1,50
95	Lê Đức Thọ	Phan Bội Châu	Ngô Đức Kế	1,50
96	Lê Hồng Phong	Y Ngông	Bên phải Nguyễn Công Trứ; Bên trái hẻm 105 Lê Hồng Phong	1,50
		Bên phải Nguyễn Công Trứ; Bên trái hẻm 105 Lê Hồng Phong	Phan Bội Châu	1,50

		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1,50
97	Lê Lai	Trương Công Định	Phan Đình Phùng	1,50
98	Lê Lợi	Trần Khánh Dư	Tản Đà	1,50
99	Lê Minh Xuân	Y Ni K'Sor	Hết đường (Đường Hùng Vương)	1,50
100	Lê Quang Sung	Y Bih Aleo	Trần Hữu Dực	1,50
101	Lê Quý Đôn	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1,50
102	Lê Thánh Tông	Phan Bội Châu	Trần Hưng Đạo	1,50
		Trần Hưng Đạo	Lý Tự Trọng	1,50
103	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,50
104	Lê Thị Riêng	Lê Duẩn	Hết đường (Đường Mai Thị Lựu)	1,50
105	Lê Trọng Tấn	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1,50
106	Lê Văn Hưu	Đặng Văn Ngữ	Khúc Thừa Dụ	1,50
		Khúc Thừa Dụ	Phùng Hưng	1,50
107	Lê Văn Nhiều	Nguyễn Hồng Ứng	Hết đường (Hết thửa 33; TĐĐ số 56 Tân An; Hết thửa 7; TĐĐ số 78 phường Tân Lập)	1,50
108	Lê Văn Sỹ	Lê Duẩn	Nguyễn Viết Xuân	1,50
109	Lê Vù	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Trương Quang Tuân)	1,50
110	Lương Thế Vinh	Y Ngông	Mai Xuân Thưởng	1,50
111	Lý Chính Thắng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
		Nguyễn Hữu Thọ	Đồng Khởi	1,50
112	Lý Nam Đế	Nguyễn Tất Thành	Lê Thánh Tông	1,50
113	Lý Thái Tổ	Lý Tự Trọng	Đồng Khởi	1,50
114	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Công Trứ	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1,50

		Nguyễn Văn Trỗi	Bên phải: Đoàn Thị Diễm; Bên trái: Số nhà 323 Lý Thường Kiệt	1,50
		Bên phải: Đoàn Thị Diễm; Bên trái: Số nhà 323 Lý Thường Kiệt	Hết đường	1,50
115	Lý Tự Trọng	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	1,50
		Ngô Quyền	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
116	Má Hai	Thế Lữ	Tăng Bạt Hồ	1,50
117	Mạc Đĩnh Chi	Phan Bội Châu	Nơ Trang Gùh	1,50
		Nơ Trang Gùh	Mai Xuân Thuởng	1,50
118	Mạc Thị Bưởi	Quang Trung	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Hết thửa 124; TBD số 4)	1,50
119	Mai Hắc Đế	Y Ngông	Nguyễn Viết Xuân	1,50
		Nguyễn Viết Xuân	Giải Phóng	1,50
		Giải Phóng	Hết đường (Hết thửa 11, 23; TBD số 26)	1,50
120	Mai Thị Lựu	Y Wang	Hết đường (Đường Trần Quý Cáp)	1,50
121	Mai Xuân Thuởng	Phan Bội Châu	Mạc Đĩnh Chi	1,50
		Mạc Đĩnh Chi	Y Ngông	1,50
122	Mậu Thân	Phạm Văn Đồng	Hết thửa 2, 14; TBD số 3	1,50
		Hết thửa 2, 14; TBD số 3	Hết địa bàn phường	1,50
123	Nam Quốc Cang	Mạc Đĩnh Chi	Mai Xuân Thuởng	1,50
124	Nay Der	Y Ni K'Sor	Hết đường (Hẻm 79 Đinh Núp)	1,50
125	Nay Phao	Đồng Khởi	Văn Tiến Dũng	1,50
126	Nay Thông	Lê Duẩn	Sấm Brăm	1,50
		Sấm Brăm	Hết đường (Hết thửa 171, 254; TBD số 118)	1,50
127	Ngô Chí Quốc	Phạm Văn Đồng	Nhà thờ Lộ Đức (Thửa 152; TBD số 17)	1,50
		Nhà thờ Lộ Đức (Thửa 152; TBD số 17)	Hết địa bàn phường	1,50

128	Ngô Đức Kế	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1,50
129	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tất Thành	Ngô Quyền	1,50
		Ngô Quyền	Hà Huy Tập	1,50
130	Ngô Mây	Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
131	Ngô Quyền	Trần Hưng Đạo	Ngô Gia Tự	1,50
		Ngô Gia Tự	Lê Quý Đôn	1,50
132	Ngô Tất Tố	Hùng Vương	Nguyễn Công Trứ	1,50
133	Ngô Thị Nhậm	Lê Quý Đôn	Đồng Khởi	1,50
134	Ngô Văn Năm	Lê Thị Hồng Gấm	Hết đường (Thửa 118, TBD số 59)	1,50
135	Nguyễn Hồng	Trần Nhật Duật	Hết đường (hết thửa đất của Công ty TNHH tư vấn xây dựng A.T)	1,50
136	Nguyễn An Ninh	Lê Duẩn	Cổng Trại giam	1,50
137	Nguyễn Biểu	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
138	Nguyễn Bính	Điện Biên Phủ	Lê Hồng Phong	1,50
139	Nguyễn Bình Khiêm	Hoàng Diệu	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1,50
140	Nguyễn Bưởi	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1,50
141	Nguyễn Cảnh Dị	Võ Văn Kiệt	Hết đường (Hết thửa 3; TBD số 157 và hết thửa 24; TBD số 156)	1,50
142	Nguyễn Chánh	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1,50
143	Nguyễn Chí Thanh	Chu Văn An + Nguyễn Văn Cừ	Trương Quang Giao	1,50
		Trương Quang Giao	Trịnh Cán	1,50
		Trịnh Văn Cấn	Hết vòng xoay ngã ba Nhà máy bia Sài Gòn (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,50
144	Nguyễn Công Hoan	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1,50
145	Nguyễn Công Trứ	Lê Hồng Phong	Lê Duẩn	1,50
		Lê Duẩn	Đinh Tiên Hoàng	1,50
		Đinh Tiên Hoàng	Hùng Vương	1,50
146	Nguyễn Cơ Thạch	Nguyễn Thị Định	Hết đường (Hết thửa 450; TBD số 4)	1,50

147	Nguyễn Cư Trinh	Phạm Hồng Thái	Hết cầu bê tông	1,50
		Hết cầu bê tông	Hết đường (Đường Nguyễn Du)	1,50
148	Nguyễn Du	Lê Duẩn	Cầu chui	1,50
		Cầu chui	Đền ông Cảo (Thửa 47; TBD số 38)	1,50
		Đền ông Cảo (Thửa 47; TBD số 38)	Trần Quý Cáp	1,50
149	Nguyễn Duy Trinh	Mai Hắc Đế	Y Ngông	1,50
150	Nguyễn Đình Chiêu	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Khuyến	1,50
151	Nguyễn Đình Chiêu nói dài	Ngã ba Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiêu	Đến hết địa bàn phường Tân Lợi	1,50
152	Nguyễn Đình Thi	Trần Kiên	Hết thửa 102; TBD số 5	1,50
153	Nguyễn Đức Cảnh	Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Văn Trỗi	1,50
154	Nguyễn Gia Thiều	Nguyễn Văn Linh	Hết đường (Đường Dã Tượng)	1,50
155	Nguyễn Hiền	Lê Thánh Tông	Hết đường (Hết thửa 180, 190; TBD số 68)	1,50
156	Nguyễn Hồng Ứng	Lê Vù	Lê Văn Nhiều	1,50
		Lê Văn Nhiều	Trương Quang Giao	1,50
157	Nguyễn Huy Tự	Nguyễn Cư Trinh	Hết đường	1,50
158	Nguyễn Huy Tường	Lê Thánh Tông	Hết đường (Đường Nguyễn Thi)	1,50
159	Nguyễn Hữu Thấu	Hà Huy Tập	Hết khu dân cư K7	1,50
		Hết khu dân cư K7	Mười Tháng Ba	1,50
160	Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1,50
161	Nguyễn Khắc Tĩnh	Lê Vù	Lê Văn Nhiều	1,50
162	Nguyễn Khoa Đăng	Võ Văn Kiệt	Hết thửa 52, TBD số 74 (Sát đường hẻm)	1,50
		Hết thửa 52; TBD số 74 (Sát đường hẻm)	Hết đường (Hết thửa 128; TBD số 74)	1,50
163	Nguyễn Khuyến	Nguyễn Đình Chiêu	Trần Nhật Duật	1,50
		Trần Nhật Duật	Y Moan Ênuôl	1,50
164	Nguyễn Kim	Mai Hắc Đế	Hết đường (Thửa 56, 210; TBD số 13)	1,50
165	Nguyễn Kinh Chi	Lê Thị Hồng Gấm	Hẻm 51 Nguyễn Tất Thành	1,50

166	Nguyễn Lâm	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1,50
167	Nguyễn Lương Bằng	Nguyễn Văn Cừ (Vòng xoay km5)	Cầu km 5	1,50
168	Nguyễn Nhạc	Công an Thành phố	Ngô Gia Tự	1,50
169	Nguyễn Phi Khanh	Lê Thánh Tông	Nguyễn Thi	1,50
170	Nguyễn Phúc Chu	Nguyễn Thị Định	Hết đường (Hết thửa 933; TBD số 4)	1,50
171	Nguyễn Siêu	Phạm Ngũ Lão	Hết đường	1,50
172	Nguyễn Sinh Sắc	Phạm Văn Đồng	Lê Cảnh Tuân	1,50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường (Hết thửa 62, 66; TBD số 62)	1,50
173	Nguyễn Sơn	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1,50
174	Nguyễn Tất Thành	Ngã 6 trung tâm	Nguyễn Văn Cừ	1,50
175	Nguyễn Thái Học	Phan Chu Trinh	Văn Cao	1,50
		Văn Cao	Nguyễn Khuyến	1,50
176	Nguyễn Thi	Tân Đà	Phan Văn Khỏe	1,50
177	Nguyễn Thị Định	30 tháng 4	Chợ Thành Nhất (Bên trái Hết thửa 752; TBD số 8)	1,50
		Chợ Thành Nhất (Bên trái Hết thửa 752; TBD số 8)	Đường trục 1 Buôn Ky (Hết thửa 205; TBD 13 phường Thành Nhất; Bên trái hết thửa 90; TBD số 37 phường Tân Tiến)	1,50
		Đường trục 1 Buôn Ky (Hết thửa 205; TBD 13 phường Thành Nhất; Bên trái hết thửa 90; TBD số 37 phường Tân Tiến)	Hết thửa 219 và thửa 1046; TBD số 12	1,50
		Hết thửa 219 và thửa 1046; TBD số 12	Hết địa bàn TP. Buôn Ma Thuột	1,50
178	Nguyễn Thị Minh Khai	Phan Chu Trinh	Y Jút	1,50
		Y Jút	Nguyễn Trãi	1,50
		Nguyễn Trãi	Phạm Ngũ Lão	1,50
179	Nguyễn Thiếp	Nguyễn Cư Trinh	Hết đường	1,50
180	Nguyễn Thông	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phú	1,50
181	Nguyễn Thượng Hiền	Lê Quý Đôn	Hoàng Minh Thảo	1,50

182	Nguyễn Tiểu La	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1,50
183	Nguyễn Trác	Nguyễn Khuyến	Hết đường (Thửa 22; TBĐ số 31)	1,50
184	Nguyễn Trãi	Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Gần suối Ea Nuôl)	1,50
185	Nguyễn Tri Phương	Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Hết đường (suối)	1,50
186	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Tri Phương	Trương Công Định	1,50
		Trương Công Định	Hết đường (Hẻm 383 Trần Phú)	1,50
187	Nguyễn Trường Tộ	Y Wang (Thửa 140; TBĐ số 39 và thửa 1; TBĐ số 40)	Cống thoát nước (Hết thửa 124, 309; TBĐ 116)	1,50
		Cống thoát nước (Hết thửa 124, 309; TBĐ 116)	Y Wang (Trường tiểu học Phan Đăng Lưu)	1,50
188	Nguyễn Tuấn	Lê Duẩn	Hết đường (Hết thửa 241; TBĐ số 34).	1,50
189	Nguyễn Văn Bé	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1,50
190	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tất Thành	Cầu Ea Nao	1,50
		Cầu Ea Nao	Phạm Văn Đồng (Bên trái Hết thửa 111; TBĐ số 47 P Tân Hòa; Bên phải Nguyễn Lương Bằng)	1,50
191	Nguyễn Văn Linh	Hết vòng xoay ngã 3 nhà máy bia Sài Gòn	Ranh giới xã Ea Tu	1,50
192	Nguyễn Văn Trỗi	Phan Chu Trinh	Y Jút	1,50
193	Nguyễn Viết Xuân	Lê Duẩn	Mai Hắc Đế	1,50
194	Nguyễn Xuân Nguyên	Nguyễn Chí Thanh	Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc	1,50
		Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc	Hết địa bàn phường Tân An	1,50
195	Nơ Trang Gùh	Phan Bội Châu	Quang Trung	1,50
		Quang Trung	Mai Xuân Thưởng	1,50
196	Nơ Trang Long	Ngã sáu trung tâm	Lê Hồng Phong	1,70

197	Ông Ích Khiêm	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
198	Phạm Hồng Thái	Lê Duẩn	Đinh Tiên Hoàng	1,50
		Đinh Tiên Hoàng	Hết đường (hết thửa 49 và 190; TBD số 24)	1,50
199	Phạm Hùng	Nguyễn Chí Thanh	Hà Huy Tập	1,50
200	Phạm Ngọc Thạch	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
201	Phạm Ngũ Lão	Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu ranh giới xã Cư Ê Bur	1,50
202	Phạm Phú Thứ	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Đường Dã Tượng)	1,50
203	Phạm Văn Bạch	Nguyễn Thị Định	Hết đường (Hết thửa 642; TBD số 4)	1,50
204	Phạm Văn Đồng	Bên trái: Thửa 74; TBD số 47; Bên phải: Nguyễn Lương Bằng	Hết Quỹ Tín dụng phường Tân Hòa	1,50
		Hết Quỹ Tín dụng phường Tân Hòa	Nguyễn Sinh Sắc	1,50
		Nguyễn Sinh Sắc	Giáp ranh xã Ea Tu	1,60
205	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Lê Hồng Phong	1,50
		Lê Hồng Phong	Mạc Thị Bưởi	1,50
		Mạc Thị Bưởi	Nguyễn Tri Phương	1,50
		Nguyễn Tri Phương	30 tháng 4	1,50
206	Phan Chu Trinh	Ngã sáu Trung tâm	Trần Hưng Đạo	1,50
		Trần Hưng Đạo	Trần Cao Vân	1,50
		Trần Cao Vân	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
207	Phan Đăng Lưu	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
		Nguyễn Hữu Thọ	Hoàng Minh Thảo	1,50
208	Phan Đình Giót	Lê Duẩn	Lê Hồng Phong	1,50
209	Phan Đình Phùng	Phan Bội Châu	An Dương Vương	1,50
		An Dương Vương	Hết đường (Đường Trần Phú)	1,50
210	Phan Huy Chú	Lê Duẩn	Hoàng Hữu Nam	1,50
		Hoàng Hữu Nam	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	1,50
211	Phan Kế Bính	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1,50
212	Phan Kiệm	Lê Duẩn	Hết đường (Thửa 31; TBD số 20)	1,50

213	Phan Phù Tiên	Mai Hắc Đế	Hết đường (Hết thửa 153; 155; TBĐ số 12)	1,50
214	Phan Trọng Tuệ	95 Ybih Alêô	Tôn Đức Thắng	1,50
215	Phan Văn Đạt	Võ Văn Kiệt	Ngã 4 giao với đường rộng 8 m (Cách Võ Văn Kiệt 50m)	1,50
		Ngã 4 giao với đường rộng 8 m (Cách Võ Văn Kiệt 50m)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Bá Thanh (Thửa 5; TBĐ số 98)	1,50
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Bá Thanh (Thửa 5; TBĐ số 98)	Ngã tư hẻm 83 Tổ Hữu (Hết thửa 48; TBĐ số 100)	1,50
		Ngã tư hẻm 83 Tổ Hữu (Hết thửa 48; TBĐ số 100)	Hết đường (Thửa 193; TBĐ số 61)	1,50
216	Phan Văn Khoẻ	Lê Thánh Tông	Hết đường (Đường Nguyễn Thi)	1,50
217	Phó Đức Chính	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	1,50
218	Phù Đồng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
219	Phùng Chí Kiên	Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
220	Phùng Hưng	Lê Duẩn	Sấm B्रăm	1,50
		Sấm B्रăm	Hết đường (Hết thửa 26; 28; TBĐ số 117)	1,50
221	Pi Năng Tắc	Y Ni K'Sor	Hết đường (Đền thửa 321; TBĐ số 24)	1,50
222	Quang Trung	Phan Chu Trinh	Lê Hồng Phong	1,70
		Lê Hồng Phong	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,50
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Trần Bình Trọng	1,50
		Trần Bình Trọng	Nơ Trang Gưh	1,50
		Nơ Trang Gưh	Mạc Đình Chi	1,50
223	Rơ Chăm Yon	Mậu Thân	Hẻm 723 Phạm Văn Đồng	1,50
224	Sấm B्रăm	Đặng Văn Ngừ	Hết đường (Lê Duẩn)	1,50
225	Siu Bleh	Y Nuê	Lê Chân	1,50
226	Sư Vạn Hạnh	Lê Thánh Tông	Nguyễn Thi	1,50
227	Sương Nguyệt Ánh	Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1,50

228	Tạ Quang Bửu	Nguyễn Phúc Chu	Hết đường (Hết thửa 303, 1108; TBD số 3)	1,50
229	Tản Đà	Phan Chu Trinh	Lê Thánh Tông	1,50
230	Tán Thuật	Đinh Tiên Hoàng	Phạm Hồng Thái	1,50
231	Tăng Bạt Hổ	Nguyễn Đình Thi	Lê Cảnh Tuân	1,50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường (Đường Má Hai)	1,50
232	Tây Sơn	Số 53 Giải Phóng	Bạch Đằng	1,50
		Bạch Đằng	Hết thửa 455; TBD số 29	1,50
233	Thái Phiên	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
234	Thăng Long	Đinh Tiên Hoàng (Gần Cầu chui)	Đinh Tiên Hoàng (Gần Cổng số 1)	1,50
235	Thế Lữ	Phạm Văn Đồng	Hết đường (Hết thửa 26; TBD số 66)	1,50
236	Thị Sách	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1,50
237	Thủ Khoa Huân	Mai Xuân Thưởng	30 tháng 4	1,60
		30 tháng 4	Nguyễn Thị Định	1,70
238	Tô Hiến Thành	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụ	1,50
239	Tô Hiệu	Lê Thánh Tông	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
		Lê Thị Hồng Gấm	Ngô Gia Tự	1,50
		Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1,50
240	Tổ Hữu	Ngã ba Duy Hòa, Võ Văn Kiệt	Bên phải Hẻm 38 Tổ Hữu (hết thửa 37, TBD số 144, P. Khánh Xuân); bên trái hết thửa 238, TBD số 97, P Khánh Xuân	1,50
		Bên phải Hẻm 38 Tổ Hữu (hết thửa 37, TBD số 144, P. Khánh Xuân); bên trái hết thửa 238, TBD số 97, P Khánh Xuân	Hết ranh giới phường Khánh Xuân	1,50
241	Tô Vĩnh Diện	Mai Hắc Đế	Hết đường (Đường Lê Văn Sỹ)	1,50
242	Tôn Đức Thắng	Tú Xương	Hết Lô L6 Khu dân cư Tôn Đức Thắng	1,50
		Đổi diện nhà hàng Đại Ngàn (Khu dân cư 47 Lý Tự Trọng)		1,50
		Kpă Púi (Trước Công ty cấp nước Đăk Lăk)	Ngô Gia Tự	1,50
		Lê Quý Đôn	Đồng Khởi	1,50

243	Tôn Thất Thuyết	Nguyễn Lương Bằng	Chợ Tân Phong	1,50
244	Tôn Thất Tùng	Lê Vù	Trương Quang Giao	1,50
245	Tổng Duy Tân	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụ	1,50
246	Trần Bình Trọng	Quang Trung	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường (Thửa 29; TBĐ số 8)	1,50
247	Trần Cao Văn	Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	1,50
		Phan Chu Trinh	Văn Cao	1,50
		Văn Cao	Nguyễn Khuyến	1,50
248	Trần Đại Nghĩa	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	1,50
249	Trần Huy Liệu	Mai Hắc Đế	Y Ôn	1,50
250	Trần Hưng Đạo	Phan Chu Trinh	Nguyễn Tất Thành	1,50
		Nguyễn Tất Thành	Hùng Vương	1,50
251	Trần Hữu Dực	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Khánh Dư	1,50
252	Trần Hữu Trang	Trần Quang Khải	Nguyễn Đình Chiểu	1,50
253	Trần Khánh Dư	Trương Chinh	Phan Chu Trinh	1,50
254	Trần Khát Chân	Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
255	Trần Kiên	Phạm Văn Đồng	Lê Cảnh Tuân	1,50
		Lê Cảnh Tuân	Hết đường (Hết thửa 2, 3; TBĐ số 66)	1,50
256	Trần Nguyên Hân	Thăng Long	Đinh Tiên Hoàng	1,50
257	Trần Nhân Tông	Phan Huy Chú	Hết đường (Hết thửa 27; TBĐ số 84 và hết thửa 103; TBĐ số 68)	1,50
258	Trần Nhật Duật	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,50
		Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1,50
259	Trần Phú	Phan Chu Trinh	Lê Hồng Phong	1,50
		Lê Hồng Phong	Nguyễn Trãi	1,50
		Nguyễn Trãi	Ngô Mây	1,50
		Ngô Mây	Trương Công Định	1,50
		Trương Công Định	Hẻm 383 Trần Phú	1,50

		Hẻm 383 Trần Phú	Hết đường (Hết cánh đồng rẽ trái ra đường Nguyễn Thị Định)	1,50
260	Trần Quang Diệu (Khu tái định cư Mai Xuân Thưởng)			1,50
261	Trần Quang Khải	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,50
262	Trần Quốc Thảo	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	1,50
263	Trần Quốc Toàn	Trần Văn Phú	Trần Nhật Duật	1,50
264	Trần Quý Cáp	Y Nuê	Bên phải: Mai Thị Lựu; Bên trái: Hẻm 135 Trần Quý Cáp	1,50
		Bên phải: Mai Thị Lựu; Bên trái: Hẻm 135 Trần Quý Cáp	Võ Nguyên Giáp	1,50
		Võ Nguyên Giáp	Ranh giới Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk	1,60
		Ranh giới Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk	Nguyễn Văn Cừ	1,60
265	Trần Văn Phú	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1,50
266	Trịnh Văn Cẩn	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Hết thửa 133; TBD số 5 và hết thửa 120; TBD số 7)	1,50
267	Trương Công Định	Phan Bội Châu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Hết đường	1,50
268	Trương Đăng Quế	Trần Văn Phú (kéo dài)	Y Moan Êñuôl	1,50
269	Trương Hán Siêu	Phan Bội Châu	Trương Công Định	1,50
270	Trương Quang Giao	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường (Hết thửa 91; TBD số 53)	1,50
271	Trương Quang Tuân	Lê Vụ	Trương Quang Giao	1,50
272	Trường Chinh	Bà Triệu	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
273	Tú Xương	Trường Chinh	Lê Thánh Tông	1,50
274	Tuệ Tĩnh	Lê Duẩn	Cầu Tuệ Tĩnh	1,50
		Cầu Tuệ Tĩnh	Mai Thị Lựu	1,50
275	Vạn Xuân	Giải Phóng	Hết thửa 190; TBD số 29	1,50
		Thửa 190; TBD số 29	30 Tháng 4	1,50

276	Văn Cao	Trần Nhật Duật	Trần Văn Phụ	1,50
277	Văn Tiến Dũng	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1,50
278	Võ Duy Thanh	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	1,50
279	Võ Thị Sáu	Nguyễn Văn Cừ	Hết đường (Giáp Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Đắk Lắk)	1,50
280	Võ Trung Thành	Y Ngông	Lương Thế Vinh	1,50
281	Võ Văn Kiệt	Phan Huy Chú	Cầu Duy Hòa	1,50
		Cầu Duy Hòa	Bên phải: Hết thửa 18; TBD số 142; Bên trái: Đến đường Tổ Hữu	1,50
		Bên phải: Hết thửa 18; TBD số 142; Bên trái: Đến đường Tổ Hữu	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Trần Cao Vân	1,50
		Hết ranh giới đất Trường Trần Cao Vân	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	1,50
282	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cầu suối Đốc học	Quang Trung	1,50
		Quang Trung	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Công bệnh viện Thành phố cũ	1,50
283	Xuân Diệu	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	1,50
284	Xuân Thủy	Phạm Văn Đồng	Hết đường (Hẻm 9 Nguyễn Lương Bằng)	1,50
285	Y Bhin	Y Ni K'Sor	Hết đường (Hết thửa 323; TBD 11)	1,50
286	Y Bih Alêo	Trần Hưng Đạo	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
287	Y Đôn	Y Nuê	Ấu Cơ	1,50
288	Y Jôn Niê	Y Nuê	Hết khu dân cư buôn Mduk	1,50
		Hết khu dân cư buôn Mduk	Thửa 22; TBD số 124	1,50
		Thửa 22; TBD số 124	Hết địa bàn phường Ea Tam	1,50
289	Y Jút	Nguyễn Công Trứ	Phan Bội Châu	1,50
		Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	1,50
		Hoàng Diệu	Trần Phú	1,50
		Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	1,50
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Văn Trỗi	1,50

		Nguyễn Văn Trỗi	Hết nhà số 335 Y Jút	1,50
		Hết nhà số 335 Y Jút	Hết đường (Gần suối Ea Nuôl)	1,50
290	Y Khu	Y Ni K'Sor	Hết đường (Hết thửa 148, 281; TBĐ 11)	1,50
291	Y Linh Niê Kdăm	Trường tiểu học Kim Đồng	Thế Lữ	1,50
292	Y Moan Ê'nuôl	Phan Chu Trinh	Hội trường Tổ dân phố 6A, Tân Lợi	1,50
		Hội trường Tổ dân phố 6A, Tân Lợi	10 tháng 3	1,50
		10 tháng 3	Giáp ranh xã Cư Ebur	1,50
293	Y Ngông	Lê Duẩn	Dương Văn Nga	1,50
		Dương Văn Nga	Mai Xuân Thưởng	1,50
294	Y Ngông nối dài	Mai Xuân Thưởng	Nguyễn Thị Định	1,50
295	Y Ni K'Sor	Ama Jhao	Hùng Vương	1,50
296	Y Nuê	Lê Duẩn	Hết đường (Hết thửa 216, 462; TBĐ số 75)	1,50
297	Y Ôn	Lê Duẩn	Hết đường (Hẻm 49 Y Ôn)	1,50
298	Y Plô Ê Ban	Ama Khê	Sang 2 phía đường Ama Khê	1,50
299	Y Som Êban	Y Ni K'Sor	Hết đường (Đường Cao Đạt)	1,50
300	Y Thuyên K'Sor	Y Ni K'Sor	Hết đường (Thửa 56; TBĐ 11)	1,50
301	Y Tlam Kbuôr	02 Lý Tự Trọng	Ngô Gia Tự	1,50
302	Y Út Niê	Phan Chu Trinh	Nguyễn Khuyến	1,50
303	Y Wang	Lê Duẩn	Bên phải hẻm 112 và bên trái hẻm 173 đường Y Wang	1,50
		Bên phải hẻm 112 và bên trái hẻm 173 đường Y Wang	Cầu Ea Kniêr	1,50
304	Yết Kiêu	Nguyễn Tri Phương	Hết đường (Đường Trương Công Định)	1,50
305	Đường giao thông Quốc lộ 14 đoạn nối từ Lê Duẩn - Võ Văn Kiệt	Lê Duẩn - Phan Huy Chú	Đường 30/4 - Võ Văn Kiệt	1,20

306	Đường nội bộ (Song song đường Ngô Quyền) Khu dân cư Tôn Đức Thắng	Lý Tự Trọng	Ngô Gia Tự	1,50
307	Đường nối Nguyễn Văn Linh với Hà Huy Tập (Ranh giới phường Tân An với xã Ea Tu)	Nguyễn Văn Linh	Hà Huy Tập	1,50
308	Đường bao quanh Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc tại Tổ dân phố 7, phường Tân An			
	- Đường giao thông quy hoạch 24m	Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa 147; TBD số 48	1,20
		Hết thửa 147; TBD số 48	Nguyễn Xuân Nguyên	1,40
309	Đường nội bộ (Song song đường Ngô Quyền) Khu dân cư Tôn Đức Thắng	Trần Nhật Duật	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
		Trần Nhật Duật	Phan Trọng Tuệ	1,50
310	Đường trục chính vào buôn Akõ D'hông (Đi qua nhà hàng Yang Sin)	Nguyễn Khuyến	Ngã ba nhà Văn hoá cộng đồng	1,20
311	Đường nội bộ trong buôn Akõ D'hông			
	- Đường nối dài với trục chính của buôn (Từ nhà văn hóa cộng đồng đến Nguyễn Đình Chiểu nối dài)			1,40
	- Đường song song với trục chính của buôn (Từ đường Trục chính đến đường nối dài)			1,40
312	Khu dân cư 560 Lê Duẩn			
	- Đường nội bộ khu dân cư (Rộng 10m)			1,40
313	Khu dân cư buôn Mduk P. Ea Tam			
	- Đường bao quanh khu dân quy hoạch cư rộng 18 m			1,20
	- Trục dọc song song Y Jồn Niê rộng 14 m			1,40
	- Các trục ngang giao Y Jồn Niê (quy hoạch rộng 14 m)			Đến đường bao quy hoạch rộng 18 m 1,50
314	Khu dân cư trường Hành chính cũ, phường Ea Tam			
	- Trục đường N1	Nguyễn An Ninh	Đến hẻm 120/26 Y Wang	1,50
	- Trục đường D1	Hẻm 120/26 Y Wang	Hết ranh giới quy hoạch khu dân cư trường Hành chính cũ	1,50
315	Khu dân cư chợ Duy Hoà cũ			

	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 8m			1,10
316	Khu dân cư 47 Lý Tự Trọng, phường Tân An			
	- Đường ngang nối Tôn Đức Thắng - Tô Hiệu (Rộng 9m)			1,50
317	Khu dân cư Tổ dân phố 1, phường Tân An (Khu đất đầu giá phía sau Sở Công Thương)			
	- Đường quy hoạch 12m	Song song với đường Nguyễn Kinh Chi		1,40
	- Đường quy hoạch 10m	Nguyễn Kinh Chi	Đường quy hoạch rộng 12m	1,30
318	Khu dân cư Km4-Km5, phường Tân An (Khu đất phân lô biệt thự)			
	Đường nội bộ song song đường Nguyễn Thượng Hiền	Văn Tiến Dũng	Hoàng Minh Thảo	1,40
	Đường nội bộ song song đường Hoàng Minh Thảo	Tôn Đức Thắng	Ngô Thị Nhậm	1,40
	Đường nội bộ song song đường Ngô Thị Nhậm	Văn Tiến Dũng	Đoàn Khuê	1,30
319	Khu dân cư đường Lê Vụ			
	- Đường giao với đường Lê Vụ quy hoạch 18m			1,50
	- Đường song song với đường Lê Vụ quy hoạch 18m (Giao với hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)			1,50
320	Khu dân cư Tổ dân phố 9, phường Tân An			
	- Đường giao với hẻm 146 Nguyễn Chí Thanh			1,50
	- Đường giao với đường Dã Tượng			1,50
321	Khu dân cư chợ Tân Hoà	Đường giao nhau với đường Phạm Văn Đồng (QH 75m)		1,50
322	Khu dân cư Tân Phong			
	- Đường quy hoạch rộng 24 m giao với Phạm Văn Đồng (Đường D5, Đường D6)			1,60
	- Đường quy hoạch rộng 24 m song song với Phạm Văn Đồng (Đường N14)			1,60
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 15 m song song với Phạm Văn Đồng			1,50
	- Đường N9 quy hoạch 16m song song với đường Phạm Văn Đồng	Xuân Thủy	Đường D6	1,60
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 15m vuông góc với đường Phạm Văn Đồng			1,60

	- Đường D7 quy hoạch rộng 18m vuông góc với đường Phạm Văn Đồng			1,60
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 15m song song với Phạm Văn Đồng, gồm các đường: N8, N10, N11, N15	Đường D5	Đường D7	1,50
323	Khu dân cư tập thể Công An tỉnh Đắk Lắk (Trần Quý Cáp)			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 10m	Giao với đường Trần Quý Cáp		1,60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 8m, phía giáp suối Ea Nao	Nối với đường quy hoạch rộng 10m		1,60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m	Giao với đường Trần Quý Cáp		1,60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m, phía giáp suối Ea Nao	Vuông góc với đường Trần Quý Cáp		1,60
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 7m	Song song với đường Trần Quý Cáp		1,60
	324	Khu dân cư Tổ dân phố 7, Tân Lập		
- Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp quy hoạch rộng 15,5 m		Trần Quý Cáp	Giao với đường số 7, quy hoạch rộng 11,5 m	1,50
- Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5m		Hẻm số 04 Võ Thị Sáu	Đường số 7, quy hoạch rộng 11,5 m	1,50
- Đường số 2 quy hoạch rộng 15,5m		Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường Võ Thị Sáu	1,50

	- Đường số 3 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	1,50
	- Đường số 4 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	1,50
	- Đường số 5 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 1 quy hoạch rộng 11,5 m	1,50
	- Đường số 6 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Đường số 2 quy hoạch rộng 11,5 m	1,50
	- Đường số 7 quy hoạch rộng 11,5m	Đường hẻm 23A Trần Quý Cáp	Hết lô LK8-33	1,30
	- Đường số 2 quy hoạch rộng 11,5m	Đường số 2, bao quanh lô LK4	Giao với đường số 2	1,50
	- Đường hẻm số 04 Võ Thị Sáu	Trần Quý Cáp	Hết lô BT2-02	1,50
325	Khu dân cư buôn Păm Lăm - Kôsiêr			
	- Đường ngang quy hoạch rộng 12m	Giao với đường Ama Jhao		1,50
	- Đường ngang quy hoạch rộng 10,5m	Giao với đường Hùng Vương		1,30
	- Đường ngang quy hoạch rộng 12,5m	Giao với đường Hùng Vương		1,30
326	Khu dân cư Tổ dân phố 10, phường Tân Lợi (Cạnh Thi hành án dân sự tỉnh)			
	- Đường ngang nối Hà Huy Tập - Ngô Văn Năm			1,50
327	Khu dân cư Hiệp Phúc			
	- Các đường nối Ngô Văn Năm với Lý Thái Tổ			1,30
328	Khu dân TDP 7, phường Tân Lợi			
	- Đường ngang nội bộ quy hoạch 13,5m	Nguyễn Hữu Thấu	Đình Lễ	1,40
	- Đường nội bộ quy hoạch 13,5m song song với Nguyễn Hữu Thấu			1,40
329	Khu dân cư đường Hà Huy Tập, phường Tân Lợi			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 13m và 15,5m giao với đường Hà Huy Tập			1,40

	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 13m và 14m song song với đường Hà Huy Tập			1,30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 36m giao với đường Hà Huy Tập			1,40
330	Khu dân cư N1.4 - N1.5, phường Thành Nhất			
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 14 m giáp lô F			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 14 m giáp lô A			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư rộng 12 m			1,50
331	Khu dân cư Tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường Thành Nhất			
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 12m	Giao với đường Phan Bội Châu		1,30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 12m	Song song với đường Phan Bội Châu		1,30
	- Các thửa đất ở vị trí đường nội bộ khu dân cư rộng 18m-20m	Song song với đường Phan Bội Châu		1,60
332	Khu tái định cư phường Thành Nhất			
	- Đường ngang song song đường Phan Bội Châu			1,40
333	Các đoạn đường nhựa chưa đặt tên cắt ngang đường Ngô Quyền	Nguyễn Đình Chiểu	Lê Thị Hồng Gấm	1,50
334	Hẻm số 554 đường Lê Duẩn (Chỉ áp dụng cho các thửa đất mặt tiền hẻm 554)	Lê Duẩn	Hết đường (Đường Săm Bẳm)	1,50
335	Hẻm đường Lê Duẩn (Về phía bên trái): Trong khoảng từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Cầu trắng			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm dưới 3 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
336	Hẻm 28 Lê Thị Hồng Gấm	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Kinh Chi	1,30
337	Hẻm 2 Phan Chu Trinh	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,30

338	Hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Văn Cừ	Lê Vự	1,50
339	Hẻm đường Nguyễn Văn Cừ (Về phía bên phải): Trong khoảng từ Bùng bình Km3 đến cầu Ea Nao			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm dưới 3 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
340	Hẻm 166 Nguyễn Tri Phương (Sơn Kinh cũ)	Nguyễn Tri Phương	Hết đường (Bên trái: Hết thửa 14, 31; TBĐ số 21; Bên phải Hết thửa 207; 224; TBĐ số 16)	1,50
341	Hẻm đường Lê Hồng Phong (Phía dọc suối Đốc học): Trong khoảng từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Quang Trung			1,50
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm dưới 3 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
342	Hẻm đường Hồ Tùng Mậu (Về phía bên phải): Trong khoảng từ đường Lê Hồng Phong đến hết hẻm 52 Hồ Tùng Mậu			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm 52 Hồ Tùng Mậu (đoạn 1) từ đường Hồ Tùng Mậu đến thửa 58, 59, 60; TBĐ số 16			1,50
	- Hẻm 52 Hồ Tùng Mậu (Đoạn 2) từ thửa 100; TBĐ số 16 đến bên phải hẻm 105 đường Lê Hồng Phong (Thửa 140; TBĐ số 13).đường Lê Hồng Phong			1,50
	- Hẻm dưới 3 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
343	Hẻm đường Quang Trung (Về phía bên trái): Trong khoảng từ đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến đường Đinh Công Tráng			
	- Hẻm lớn hơn 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm từ 3 mét đến 5 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
	- Hẻm dưới 3 mét (Trong khoảng 300m tính hết vị trí thửa đất)			1,50
344	Hẻm đường Đinh Tiên Hoàng (Về phía bên trái)			
	- Hẻm 131	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Du	1,50
	- Hẻm 185	Đinh Tiên Hoàng	Bùi Huy Bích	1,50
	- Hẻm 203	Đinh Tiên Hoàng	Hết đường	1,50

345	Hẻm 02 Nguyễn Đình Chiểu (Đối diện Nhà thi đấu tỉnh): Nguyễn Đình Chiểu đến hết đường (Nhà sách Giáo dục)			1,30
346	Khu dân cư 3,2 ha, phường Tân An			
	- Đường Tôn Đức Thắng nối dài, QH 30m	Phạm Hùng	Đường 2-D, đường nối từ Hà Huy Tập đến Quốc lộ 14	1,60
	- Đường 2-D, QH 30m	Hà Huy Tập	Quốc lộ 14	1,60
	- Đường N-1, QH 24m			1,60
	- Đường số 1-D, QH 16m			1,60
	- Đường số 3-N và 2-N, QH 16m			1,60
347	Khu dân cư 5,4 ha, phường Tân An			
	- Đường N4, quy hoạch 30m	Hà Huy Tập	Quốc lộ 14	1,60
	- Đường N3, quy hoạch 20m (Đường vành đai cũ)			1,60
	- Đường D1, quy hoạch 20			1,60
	- Đường số 3, quy hoạch 20m			1,60
	- Đường số 4, quy hoạch 20m			1,60
	- Đường số 1, số 2, quy hoạch 16m			1,60
348	Khu dân cư Km7, phường Tân An			
	- Đường KV2	Đường D6	Đường 10/3	1,60
	- Đường KV3	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
	- Đường D1	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
	- Đường D2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
	- Đường D5	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường KV2	1,60
	- Đường D6	Đường D5	Đường KV2	1,60
	- Đường N4	Đường D5	Đường KV3	1,60
	- Đường N8	Đường D1	Đường D5	1,60
	- Đường N9	Đường N8 (tại vị trí thửa số NP2-1.20)	Đường D5	1,60
	- Đường N11	Đường N12 (Tại vị trí thửa NP2-1.20)	Giao với đường N12 (Tại vị trí thửa NP2-1.37)	1,60

	- Đường N12	Đường Tôn Đức Thắng (tại vị trí thửa số NP2-2.14 và NP1-4.17)	Giao với đường Tôn Đức Thắng (tại vị trí thửa NP2-1.1 và NP1-1.17)	1,60
	- Đường Tôn Đức Thắng nối dài	Đường D5	Đường KV3	1,60
349	Khu dân cư Hà Huy Tập, phường Tân An			
	* Đường khu vực			
	- Đường N1	Đường Hà Huy Tập	Đường D7	1,60
	- Đường N8	Đường D1	Đường D6	1,60
	- Đường D1	Đường N6	Đường N8	1,60
	- Đường D6	Đường N1	Đường N8	1,60
	- Đường D7	Đường N1	Đường N9	1,60
	- Đường N9	Đường D6	Đường D7	1,60
	* Đường phân khu vực			
	- Đường N2	Đường D2	Đường D4	1,60
	- Đường N3	Đường Hà Huy Tập	Đường D6	1,60
	- Đường N4	Đường D2	Đường D4	1,60
	- Đường N5	Đường D3	Đường D6	1,60
	- Đường N6	Đường Hà Huy Tập	Đường D6	1,60
	- Đường N7	Đường D2	Đường D5	1,60
	- Đường D2	Đường N1	Đường N8	1,60
	- Đường D3	Đường N4	Đường N6	1,60
	- Đường D4	Đường N1	Đường N5	1,60
	- Đường D5	Đường N6	Đường N8	1,60
350	Khu dân cư phường Tân Hòa (Công ty 507)			
	- Đường quy hoạch rộng 14m (đường N1) giao với đường Trần Kiên			1,50
	- Đường quy hoạch rộng 14m (đường N2) giao với đường Trần Kiên			1,50
	- Đường quy hoạch rộng 14m (đường D2) song song với đường Trần Kiên			1,50
	- Đường quy hoạch rộng 12m (đường D1) song song với đường Trần Kiên			1,50
351	Khu dân cư tổ liên gia 35, phường Thành Nhất			
	- Đường nội bộ quy hoạch rộng 20m giao với đường Mai Xuân Thưởng			1,50
	- Đường nội bộ quy hoạch rộng 20m giao với đường Thủ Khoa Huân			1,50

	- Đường nội bộ quy hoạch rộng 18m			1,50
	- Đường nội bộ quy hoạch rộng 14m			1,50
352	Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập			
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 24m (đường Lê Vù nối dài)			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 16,5m (đường Trương Quang Tuân nối dài)			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 18m (giao với đường Trương Quang Tuân)			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 11,5m (vuông góc với đường Lê Vù nối dài)			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch 8m (giao với hẻm 193 Nguyễn Văn Cừ)			1,50
353	Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập			
	- Đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)	Lê Vù	Nguyễn Văn Cừ	1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 16,5m vuông góc với đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 16,5m song song với đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ)			1,50
	- Đường nội bộ khu dân cư quy hoạch rộng 18m ((đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài), vuông góc với đường Nguyễn Hồng Ứng nối dài (hẻm 119 Nguyễn Văn Cừ))			1,50
354	Khu dân cư phía Bắc, Tổ dân phố 12, phường Tân An (Bên cạnh nhà máy bia và trung tâm bảo trợ xã hội)			
	- Đường nhánh 16: quy hoạch rộng 37m			1,50
	- Đường nhánh 15: quy hoạch rộng 24m			1,50
	- Đường nhánh 12: Quy hoạch rộng 24m			1,50
	- Đường nhánh 11: quy hoạch rộng 24m			1,50
	-Đường số 3-N: quy hoạch rộng 12m			1,50
	- Đường số 2-N: quy hoạch rộng 10,5m			1,50
	- Đường số 1-N: quy hoạch rộng 10,5m			1,50
355	Khu dân cư thuộc điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị 1/500 khu dân cư đô thị khối 6, phường Tân An			
	- Đường nội bộ: quy hoạch rộng 12m			1,50
	- Đường nội bộ: quy hoạch rộng 6m			1,50
	- Đường nội bộ: quy hoạch rộng 4m			1,50
356	Khu dân cư Tổ dân phố 12, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột (khu chăn nuôi cũ 6,2 ha)			

	- Đường Dã Tượng: quy hoạch rộng 24m			1,50
	- Đường N1: quy hoạch rộng 24m			1,50
	- Đường N2: quy hoạch rộng 16m			1,50
	- Đường nội bộ: quy hoạch 16m			1,50
	- Đường nội bộ quy hoạch 14m			1,50
357	Khu tái định cư khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đăk Lăk			
	- Đường nội bộ: quy hoạch rộng 17m giao với đường Nguyễn Xuân Nguyên			1,50
	- Đường nội bộ: quy hoạch rộng 13m giao với đường Nguyễn Xuân Nguyên			1,50
358	Đường Đông Tây			
	- Đoạn qua phường Tân Thành			1,50
	- Đoạn qua phường Tự An			1,50
	- Đoạn qua phường Tân Lập			1,50
359	Khu vực đầu tư xây dựng mới hoặc tuyến đường mới			
	Đường QH rộng từ 20m trở lên			1,30
	Đường QH rộng từ 10m đến dưới 20m			1,30
	Đường QH rộng dưới 10m			1,30
360	Khu đô thị sinh thái cà phê suối xanh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột			
	Đường chính khu vực			
-	Đường số 1	Nguyễn Đình Chiểu nối dài	Đường số 4	1,50
	Đường khu vực			
-	Đường số 3	Đường số 1	Vòng xoay ngã 5	1,50
-	Đường số 11	Nguyễn Đình Chiểu nối dài	Đường số 6	1,50
-	Đường số 15	Vòng xoay ngã 5	Đường số 13	1,50
	Đường phân khu			
-	Đường số 4	Đường số 1	Đường số 7	1,50
-	Đường số 5	Đường số 1	Vòng xoay ngã 5	1,50
-	Đường số 6	Đường số 1	Vòng xoay ngã 5	1,50
-	Đường số 7	Nguyễn Đình Chiểu nối dài	Đường số 14	1,50
-	Đường số 8	Đường số 6	Đường số 14	1,50
-	Đường số 9	Nguyễn Đình Chiểu nối dài	Đường số 14	1,50
-	Đường số 10	Đường số 3	Đường số 14	1,50

-	Đường số 12	Nguyễn Đình Chiểu nối dài	Đường số 14	1,50
-	Đường số 13	Đường số 14	Hết đường	1,50
-	Đường số 14	Đường số 7	Đường số 13	1,50
		Vòng xoay ngã 5	Đường số 13	1,50
361	Dự án khu đô thị dân cư Km7, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột			
	Đường KV1	Đường KV2	Đường N10	1,60
	Đường KV2	Đường KV1	Đường D6	1,60
	Đường Tôn Đức Thắng nối dài	Đường D5	Đường D8	1,60
	Đường N1	Đường D7 (tại vị trí thửa số DL3.1)	Đường D7 (tại vị trí thửa số DL4.5)	1,60
	Đường N2	Đường N1	Đường D6	1,60
	Đường N2A	Đường KV1	Đường N1	1,60
	Đường N3	Đường N1 (tại vị trí thửa số DL5.6)	Đường N1 (tại vị trí thửa số DL5.11)	1,60
	Đường N4	Đường D6	Đường KV1	1,60
	Đường N5	Đường D3	Đường D3	1,60
	Đường N6	Đường D6	Đường KV1	1,60
	Đường N7	Đường D6	Đường KV1	1,60
	Đường D3	Đường KV2	Đường N5	1,60
	Đường D4	Đường KV2	Đường N5	1,60
	Đường D7	Đường KV2	Đường N1	1,60
362	Khu dân cư đô thị khối 6, phường Tân An			
	Đường Nguyễn Khắc Tĩnh	Lê Văn Nhiều	Trương Quang Giao	1,50
	Đường Tôn Thất Tùng	Lê Văn Nhiều	Trương Quang Giao	1,50
	Đường Trương Quang Tuân	Lê Văn Nhiều	Trương Quang Giao	1,50
363	Đường D8, phường Tân An (đường nối đường Hà Huy Tập – Nguyễn Chí Thanh):			
	Đường D8, phường Tân An	Đường Hà Huy Tập (bên cạnh trường Đại học Buôn Ma Thuột)	Đường Nguyễn Chí Thanh (bên cạnh Công ty ô tô Honda Đắk Lắk)	1,50

III. HUYỆN BUÔN ĐƠN

1. Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số (K) năm 2024
		Từ	Đến	
I	Khu trung tâm huyện (Quy hoạch 26m)			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	Ngã tư Viện kiểm sát	1,30
		Ngã tư Viện kiểm sát	Ngã tư Đài truyền thanh	1,50
		Ngã tư Đài truyền thanh	Chi nhánh điện Buôn Đôn - Ea súp	1,30
		Chi nhánh điện Buôn Đôn - Ea súp	Ngã tư Toà Án	1,30
2	Đường số 6	Ngã tư đài truyền thanh	Hết trường cấp 3 Buôn Đôn	1,30
		Hết trường cấp 3 Buôn Đôn	Giáp vành đai phía Đông	1,30
		Ngã tư đài truyền thanh	Ngã 3 trường Hồ Tùng Mậu	1,30
		Ngã 3 trường Hồ Tùng Mậu	Ngã 3 đường vận hành 1 thủy điện 4	1,50
	Đường ngang			
3	Đường số 2 (Cạnh trụ sở công an huyện)	Tỉnh lộ 17	Giáp đường số 4 (phía Đông)	1,00
		Tỉnh lộ 17	Hết ranh giới đất Công an huyện	1,00
4	Đường số 3	Đoạn từ ngã tư bưu điện	Giáp đường số 21	1,20
		Giáp đường số 21	Giáp đường số 4	1,00
		Đoạn từ ngã tư đường số 3-4	Đoạn từ ngã tư đường số 3-39	1,00
		Đoạn từ ngã tư bưu điện	Hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	1,00
		Hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	Ngã tư đường số 3 và đường số 12	1,00
		Ngã tư đường số 3 và đường số 12	Giáp vành đai phía Tây	1,00
5	Đường số 4	Tỉnh lộ 17	Đường số 21	1,20
		Đường số 21	Hết vành đai phía Đông	1,00
		Tỉnh lộ 17	Hết lô A7 (ngã 4 đường 13 và đường số 4)	1,20
		Hết lô A7 (ngã 4 đường 13 và đường số 4)	Hết vành đai phía Tây	1,30

6	Đường số 5	Tỉnh lộ 17 (trụ sở viễn thông)	Giáp vành đai phía Tây	1,00
		Tỉnh lộ 17 (thư viện)	Giáp đường số 44	1,00
		Giáp đường số 44	Giáp vành đai phía Đông (đường số 8)	1,00
7	Đường số 7	Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Đông (đường số 8)	1,20
		Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Tây	1,00
8	Đường số 10 (Cạnh trụ sở công an huyện)	Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Tây (đường số 9)	1,00
9	Đường số 15	Hết thửa đất giao nhau đường số 14	Hết thửa đất giao nhau đường số 11	1,00
10	Đường số 16	Hết thửa đất giao nhau đường số 14	Hết thửa đất giao nhau đường số 12	1,00
11	Đường số 17 (dọc chợ trung tâm huyện)	Từ tỉnh lộ 17	Hết lô A7	1,00
		Hết lô A7	Hết lô A10	1,00
12	Đường số 18	Hết thửa đất giao nhau đường số 13	Hết thửa đất giao nhau đường số 19	1,40
13	Đường số 24	Tỉnh lộ 17	Nghĩa trang liệt sỹ	1,30
14	Đường số 25	Hết thửa đất giao nhau đường số 20	Hết thửa đất giao nhau đường số 4	1,00
15	Đường số 26	Hết thửa đất giao nhau đường số 20	Hết thửa đất giao nhau đường số 4	1,00
16	Đường số 28	Hết thửa đất giao nhau đường số 27	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	1,00
17	Đường số 29	Hết thửa đất giao nhau đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 45	1,00
18	Đường số 34	Hết thửa đất giao nhau đường số 30	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	1,20
19	Đường số 35 (Mặt sau B3)	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	Hết thửa đất giao nhau đường số 33	1,30
20	Đường số 36 (Đường đầu giá lô B3)	Hết thửa đất giao nhau đường số 30	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	1,30
21	Đường số 37	Hết thửa đất giao nhau đường số 32	Vành đai phía Tây (đường số 9)	1,00
22	Đường số 42	Hết thửa đất giao nhau đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 45	1,00
23	Đường số 43	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	Hết thửa đất giao nhau đường số 38	1,20
	Đường dọc			
24	Đường số 11	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 16	1,00
25	Đường số 12	Hết thửa đất giao nhau đường số 16	Hết thửa đất giao nhau đường số 18	1,30
26	Đường số 13 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 17	Hết thửa đất giao nhau đường số 18	1,20

27	Đường số 14 mặt sau lô A5; A6 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 3	1,50
28	Đường số 19	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	1,00
29	Đường số 20 (mặt sau A12, A1, A4) (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 4	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	1,40
30	Đường số 21	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 26	1,00
31	Đường số 22	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	1,20
32	Đường số 23	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	1,20
33	Đường số 27	Ngã ba phòng Giáo dục	Đường vành đai phía Đông (đường số 8)	1,00
34	Đường số 30 (Cạnh bệnh viện đa khoa huyện)	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 34	1,00
35	Đường số 31	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường số 36	1,00
36	Đường số 32	Hết thửa đất giao nhau đường số 6	Đường vành đai phía Tây (đường số 9)	1,00
37	Đường số 33 mặt sau lô A2 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 6	Hết thửa đất giao nhau đường số 9	1,00
38	Đường 38 mặt sau lô A3, A8 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	1,00
39	Đường 39	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường vành đai phía Đông (đường số 8 - hướng ra PCCC)	1,20
		Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường vành đai phía Đông (đường số 8 - hướng ra đường số 45)	1,20
40	Đường số 40	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Đường vành đai phía Đông (đường số 8)	1,00
41	Đường số 41	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 43	1,20

42	Đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 39	Hết đường quy hoạch (giáp đường số 43)	1,00
43	Đường số 45	Hết thửa đất giao nhau đường số 27	Hết thửa đất giao nhau đường số 43	1,00
44	Đường số 46	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 41	1,00
45	Đường vành đai phía Đông	Quán Vân Cương	Giáp đường số 6 (phía Đông)	1,20
		Giáp đường số 6	Giáp đường số 23	1,00
46	Đường vành đai phía Tây	Tòa án	Bệnh viện	1,00
		Bệnh viện	Giáp đường số 4	1,00
		Giáp đường số 4	Giáp đường số 2	1,00
		Giáp đường số 2	Ngã tư TL17-đường số 24	1,00
47	Đường trục trong lô K2-7 (giáp trụ sở Công an huyện)			1,00
48	Đường trục trong lô K2-6 (lô A9)			1,00
49	Đường trục trong lô K5-4 (lô B3)			1,00
50	Đường trục trong lô K5-6 (giáp với bệnh viện đa khoa huyện)			1,00
51	Các đường ngang	Đường giữa lô A10		1,00
52	Các đường ngang	Các trục đường còn lại Lô A11		1,00
53	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			1,00
54	Khu vực còn lại			1,00
II	Xã Krông Na			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh xã Ea Huar	Ngã tư xưởng chế biến gỗ VinaFor	1,30
		Ngã tư xưởng chế biến gỗ VinaFor	Hết ranh giới đất cây xăng Nam Tây Nguyên	1,30
		Hết ranh giới đất cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba đường vào buôn Trí	1,30
		Ngã ba đường vào buôn Trí	Hồ Ea Rông	1,30
		Hồ Ea rông	Ngã tư Bản Đôn	1,20
		Ngã tư Bản Đôn	Cầu Ea Mar	1,20
		Cầu Ea Mar	Đập Đắk Minh	1,00
		Đập Đắk Minh	Giáp ranh huyện Ea Súp	1,00
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba Khăm Thung	1,20
		Ngã ba Khăm Thung	Cầu buôn Trí	1,20

		Cầu buôn Trí	Ngã tư Bản Đôn	1,20
		Ngã ba Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba nhà văn hóa cộng đồng Buôn Trí B	1,00
		Ngã ba nhà văn hóa cộng đồng Buôn Trí B	Đến hết rẫy hộ Chăn Tha Vy	1,00
		Ngã tư nhà ông Y Nham	Hết ranh giới nhà H'Lot	1,00
		Ngã tư Bản Đôn	Buôn Ea Mar (đường 135)	1,20
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia Yok Đôn	1,00
		Ngã ba Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia Yok Đôn	Cầu tràn	1,00
		Ngã ba nhà ông Ninh	Hết ranh giới khu dân cư	1,00
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Khu du lịch hồ Đăk Minh	1,40
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Trạm 6 Vườn quốc gia	1,30
		Đầu trạm Buôn Drang Phốc	Nghĩa địa Đăng Phốc	1,00
		Khu vực buôn Ea Rông B		1,20
3	Đường giao thông	Tỉnh lộ 1	Văn phòng Tân Phương cũ	1,40
		Văn phòng Tân Phương cũ	Cầu thủy điện Srêpôk 4A	1,40
4	Đường sau chợ TT	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Đi thác phật	1,40
5	Đường giao thông	Buôn Jang Lành	Đi thác Phật (sau xưởng Vinafor)	1,40
		Ngã ba nhà Y Zét	Hết rẫy nhà Ma Dao	1,40
6	Khu vực còn lại			1,00
III	Xã Ea Huar			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Cầu 33	Cầu 34	1,30
		Cầu 34	Cầu 35	1,30
		Cầu 35	Giáp ranh xã Krông Na	1,30
2	Đường nối Tỉnh lộ 17 (cũ)	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hết ngã ba nhà ông Giới	1,30
		Hết ngã ba nhà ông Giới	đi xã Ea Mroh - Cư M'gar	1,30
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Thác 7 nhánh (qua Buôn Rêch A)	1,30
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Thác 7 nhánh	1,30
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	hết đường buôn mới 134	1,10

		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba cầu 34 (đường vòng sau UBND xã)	1,20
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ) - Vườn quốc gia Yok Đôn	Hết ranh giới nhà máy điện mặt trời Jang Pông	1,00
3	Các khu dân cư có trục đường $\geq 3,5\text{m}$			1,00
4	Khu vực còn lại			1,00
IV	Xã Ea Wer			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã tư Toà Án	Hết Dốc 50 (nhà ông Nguyễn Ngọc Thu)	1,40
		Hết Dốc 50 (nhà ông Nguyễn Ngọc Thu)	Đầu thôn 4	1,50
		Đầu thôn 4	Cổng thủy lợi (thôn 7)	1,30
		Cổng Thủy Lợi (thôn 7)	Cầu Ea Tul	1,40
		Cầu Ea Tul	Cầu 33	1,40
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Đầu thôn 8	1,20
		Đầu thôn 8	Đập dâng Nà Xô	1,50
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - nhà ông Mộc)	Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 4	1,20
		Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 4	Hết thôn 9	1,50
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - buôn Tul B)	Vào thôn 9	1,50
		Đường Tỉnh lộ 17 (1 cũ - ngã ba Nà Wel)	Hết ranh giới rẫy Y Nút Knul	1,50
		Hết ranh giới rẫy Y Nút Knul	Giáp sông Sêrêpôk	1,50
		Sau trạm y tế xã	Cầu Ea Tul (đường lô 2)	1,20
		Đầu buôn Tul B	Hết đường 135 (đường lô 2)	1,20
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - thôn 6)	Buôn Ea Pri	1,40
		Ngã 3 đường vận hành 1 thủy điện 4	Ngã 3 đi hội trường thôn Ea Duất	1,40
		Ngã 3 đi hội trường thôn Ea Duất	Giáp sông Srêpôk	1,30
3	Đường vận hành Thủy điện 4	Ngã ba đường vận hành	Giáp đường vành đai Phía Tây (đường số 9)	1,20
4	Khu trung tâm huyện	Ngã tư nhà ông Tươi	Ranh giới xã Ea Wer (Khu đồi cây)	1,30
5	Các đường buôn Tul A			1,20
6	Các đường buôn Tul B			1,20

7	Các khu dân cư có trục đường $\geq 3,5\text{m}$			1,20
8	Khu vực còn lại			1,10
V	Xã Tân Hòa			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Nuôl (suối cạn)	Ngã ba đường vào chùa Pháp Vân	1,30
		Ngã ba đường vào chùa Pháp Vân	Hết thôn 9	1,30
		Hết thôn 9	Hết thôn 10	1,30
		Hết thôn 10	Hết ranh giới thôn 12	1,30
		Hết ranh giới thôn 12	Cây xăng Nam Tây Nguyên	1,30
		Cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	1,30
2	Đường tỉnh lộ 19A (Tỉnh lộ 5 cũ)	Ngã ba Tân Tiến	Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	1,30
		Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	Hết ranh giới thôn 6	1,30
		Hết ranh giới thôn 6	Hết Trường tiểu học Lê Lợi	1,30
		Hết Trường tiểu học Lê Lợi	Giáp ranh xã Cuôr Knia	1,30
3	Đường ngang	Tỉnh lộ 17 (1 cũ - Ngã ba nhà bà Lợi)	Hết ranh giới chợ	1,30
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - Ngã ba Bưu điện VH xã)	Vào lô F	1,30
		Ngã ba TL17 (đường vào sinh 3/2)	Suối bà Chí	1,30
		Ngã ba ba Tân	Đường nhựa giáp thủy điện Srêpôk 3	1,30
4	Đường dọc lô E và D trung tâm xã			1,30
5	Khu dân cư còn lại của thôn 14			1,30
6	Giáp ranh thôn Ea Duốt xã Ea Wer			1,00
7	Đường lô 2	Ngã ba tỉnh lộ 19	hết thôn 9	1,00
8	Đường liên thôn	Ngã ba hội trường thôn 7	Ngã ba hội trường thôn 4	1,30
9	Các khu dân cư có trục đường $\geq 3,5\text{m}$			1,00
10	Khu vực còn lại			1,00
VI	Xã Cuôr Knia			
1	Tỉnh lộ 5	Giáp ranh giới xã Tân Hòa	Ngã ba thôn 3	1,40
		Ngã ba thôn 3	Ngã ba ông Hạnh	1,40
		Ngã ba ông Hạnh	Giáp ranh giới xã Ea Bar	1,40

	Đường liên xã	Ngã ba thôn 3	Đập cây sung	1,40
		Đập cây sung	Giáp ranh giới xã Ea M'nam (huyện Cư M'gar)	1,30
		Ngã ba thôn 12	Thôn 10 xã Ea Bar	1,30
		Ngã ba thôn 6	Giáp ranh giới thôn 17 xã Ea Bar	1,40
		Ngã ba thôn Ea Kning	Giáp đường đi Ea Bar	1,30
2	Khu vực thôn 4			1,20
3	Các khu dân cư có trục đường $\geq 3,5m$			1,10
4	Khu vực còn lại			1,00
VII	Xã Ea Bar			
1	Tỉnh lộ 19A (5 cũ)	Giáp ranh giới xã Cuôr Knia	Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	1,30
		Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	Ngã tư chợ cũ	1,30
		Ngã tư chợ cũ	Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	1,20
		Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	Hết trường mầm non Hoa Lan	1,20
		Ngã tư trường mầm non Hoa Lan	Ngã tư nhà ông Hồ Xuân Đường	1,30
		Ngã tư nhà ông Hồ Xuân Đường	Ngã ba giống cây Minh Phát	1,30
		Ngã ba giống cây Minh Phát	Ngã ba Đài tưởng niệm	1,30
		Ngã ba Đài tưởng niệm	Giáp ranh thành phố Buôn Ma Thuột	1,30
2	Đường liên xã	Ngã tư chợ cũ	Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiễn	1,30
		Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiễn	Ngã ba nhà ông Trần Văn Liên	1,30
		Ngã ba nhà bà Trần Văn Liên	Hết ranh giới đất nhà ông Lê Quý Hiền	1,30
		Hết ranh giới đất nhà ông Lê Quý Hiền	Giáp ranh xã Ea M'nam - Cư M'gar	1,30
		Ngã tư nhà bà Thái Thị Dư (Cây xăng Trâm Oanh)	Ngã tư thôn 12	1,30
3	Hai trục ngang bên hông chợ Ea Bar			1,30
4	Đường ngang sau chợ	Ngã ba nhà ông Trần Văn Nhiễn	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn La (đường lô 2)	1,30
5		Ngã tư chợ cũ	Ngã ba nhà ông Tiến (mặt sau lô F)	1,20

	Đường xung quanh khu đầu giá lô F (tiệm vàng kim hải cũ)	Từ ngã ba giáp đường đi Ea Mnang (gần nông sản Thanh Bình)	Hết mặt sau lô F	1,40
		Từ ngã ba đường liên thôn 16, 16A, 17, 17A	Hết mặt sau lô F	1,40
6	Đường liên thôn 16, 16A, 17, 17A	Ngã ba nhà ông Tiến	Giáp đường sang xã Cuôr Knia	1,60
7	Đường liên thôn 15, 18, 18A, 18B	Ngã tư cửa hàng Hòa Lan	Giáp đường vào nghĩa địa 15/3	1,30
8	Đường khu vực thôn 5, 6, 8, 9			1,30
9	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			1,00
10	Khu vực còn lại			1,20
VIII	Xã Ea Nuôl			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh giới với thành phố Buôn Ma Thuột	Hết cầu buôn Niêng	1,30
		Hết cầu buôn Niêng	Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	1,30
		Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	Đến cầu Ea M'dthar	1,30
		Đến cầu Ea M'dthar	Ngã 3 đường vào nhà máy thủy điện Srêpôk 3	1,30
		Ngã 3 đường vào nhà máy thủy điện Srêpôk 3	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,30
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 1	Khu K68	1,30
		Ngã ba cây xăng (Khuong Minh Yên)	Ngã ba ba Tân	1,30
		Ngã ba ba Tân	Đường nhựa giáp thủy điện Srêpôk 3	1,30
		Ngã ba Hoà An (TL1)	Giáp ranh xã Hoà Xuân	1,30
		Ngã ba UBND xã	Hết khu dân cư (ranh giới thôn Hòa Phú)	1,20
		Ngã ba nhà ông Nhàn (Buôn Niêng III)	Thôn 8 xã Cư Ebur	1,30
		Đầu buôn Mdhar 1A	Hết ranh giới thôn Mdhar 3	1,20
		Đầu buôn Mdhar 1A	Hết ranh giới thôn Hoà Thanh	1,20
		Đầu buôn Niêng 3	Hết ranh giới khu du lịch Troh Bư	1,30

		Hết ranh giới khu du lịch Troh Bư	Hết ranh giới buôn Mới (132)	1,30
		Đầu buôn Niêng 2	Hết mỏ đá Minh Sáng	1,20
3	Đường vào Thủy Điện Dray H' Ling cũ	Ngã ba giáp ranh giới Phường Thành Nhất (BMT)	Suối Ea Piết (giáp ranh giới thôn Hòa Nam I - Hoa An)	1,00
4	Đường trục chính thôn Đại Đồng	Ngã ba nhà ông Khôi	Đi sinh Cư Bơ	1,00
5	Ngã ba đường vào cụm công nghiệp	Ngã ba nhà ông Năm Tiểu (cuối buôn Kô Đung B)	Hết khu dân cư (cụm công nghiệp Ea Nuôl)	1,00
6	Các khu dân cư có trục đường $\geq 3,5\text{m}$			1,00
7	Khu vực còn lại			1,00

IV. HUYỆN CƯ KUIN

1. Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số (K) năm 2024
		Từ	Đến	
I	Xã Ea Tiêu			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'ram (giáp TP. Buôn Ma Thuột)	Đường dọc kênh thủy lợi	1,20
		Đường dọc kênh thủy lợi	Hết cửa hàng xăng dầu Hoài Ân	1,20
		Hết cửa hàng xăng dầu Hoài Ân	Ngã 3 đường vào UBND xã	1,30
		Ngã 3 đường vào UBND xã	Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	1,30
		Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	Đường vào Giáo xứ Vinh Hòa	1,30
		Đường vào Giáo xứ Vinh Hòa	Cổng chào thôn 2	1,30
		Cổng chào thôn 2	Cổng đối diện cổng chào thôn 8 (xã Ea Bhók)	1,30
		Cổng đối diện cổng chào thôn 8 (xã Ea Bhók)	Trường tiểu học Kim Đồng	1,30
		Trường tiểu học Kim Đồng	Giáp xã Dray Bhang	1,20
2	Khu vực chợ Trung Hòa	Các đường bên trong và giáp chợ Trung Hòa		1,10
3	Đường liên thôn	Ngã ba Quốc lộ 27 (chợ buôn Kram)	Ngã ba đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	1,20
		Ngã ba đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	Kênh thủy lợi (cổng chào thôn 7)	1,20
		Kênh thủy lợi (cổng chào thôn 7)	Hết thôn 6	1,10
		Hết thôn 6	Ngã ba buôn Tiêu	1,10
4	Đường dọc kênh thủy lợi	Cách ngã tư Quốc lộ 27 - 300m	Cổng chào thôn 7	1,10
5	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng chào buôn Kram	1,20
		Cổng chào buôn Kram	Ngã ba đường vào bãi bắn	1,20
		Ngã ba đường vào bãi bắn	Ngã ba buôn Tiêu	1,20

		Ngã ba buôn Tiêu	Hồ cạnh Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	1,20
		Hồ cạnh Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	Cổng chào thôn 11	1,20
		Cổng chào thôn 11	Ngã ba đường đi xã Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuột	1,20
6	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX cũ	1,10
		Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX	Đầu buôn Ciết	1,10
		Đầu buôn Ciết	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	1,10
		Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	Cụm công nghiệp Cư Kuin (hết buôn Ciết)	1,20
		Ngã tư đầu đường nhựa buôn Ciết	Hết đường bê tông (Giáp xã Dray Bhang)	1,20
7	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1,10
8	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, buôn Ciết, buôn Kram và buôn Luk		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10
9	Các tuyến đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 500m tính từ mốc lộ giới đường Tránh phía Đông Tp. Buôn Ma thuột			1,00
II	Xã Ea Ktur			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'ram (giáp TP. Buôn Ma Thuột)	Đường vào khu dân cư thôn 8 (Ngang dốc)	1,20
		Đường vào khu dân cư thôn 8 (Ngang dốc)	Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Đức (đường vào thôn 6)	1,20
		Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Đức (đường vào thôn 6)	Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Sim	1,30
		Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Sim	Cổng chào thôn 1	1,30
		Cổng chào thôn 1	Cổng chào thôn 2	1,30
		Cổng chào thôn 2	Ngã ba cuối thôn 2, đầu thôn 5	1,30

		Ngã ba cuối thôn 2, đầu thôn 5	Giáp xã Ea Bhók	1,30
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Đường vào Công ty TNHH MTV cà phê Ea Sim đến hết thửa đất số 9430 bên trái và đồng thời tiếp giáp đến hết thửa đất số 9636 bên phải, TBD số 40)	1,20
		Hết khu dân cư thôn 10 (cách Quốc lộ 27 - 450m)	Đập Ea Sim	1,20
		Đập Ea Sim	Cổng chào thôn 15 (nay là thôn 5)	1,20
		Cổng chào thôn 15 (nay là thôn 5)	Đập Việt Đức 4 (giáp xã Ea Ning)	1,20
		Ngã ba buôn Plei Năm	Đến hết thửa đất 3716 bên phải và đồng thời tiếp giáp đến hết thửa 3713 bên trái, TBD số 22)	1,20
		Cuối khu dân cư Buôn Plei Năm (dài khoảng 1.300m)	Giáp xã Hòa Đông	1,20
3	Đường liên thôn	Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng Giáo xứ Vinh Hòa	1,20
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1,10
5	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1, 2, 3, 4		1,20
		Thuộc các thôn: 2, 7, 8, 10		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10
6	Các tuyến đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 500m tính từ mốc lộ giới đường Tránh phía Đông Tp. Buôn Ma thuật			1,00
III	Xã Ea Bhók			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Ktur	Cổng chào thôn 8	1,20
		Cổng chào thôn 8	Ngã ba đối diện Trường tiểu học Kim Đồng	1,30
		Ngã ba đối diện Trường tiểu học Kim Đồng	Hết Thửa đất Giáo họ Kim Tân	1,40
		Hết Thửa đất Giáo họ Kim Tân	Ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	1,30
		Ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	Giáp xã Dray Bhang	1,30

2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường trục chính thôn 4	1,20
		Ngã ba đường trục chính thôn 4	Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	1,20
		Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	Cầu giáp xã Ea Ning	1,20
		Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	Hết buôn Bhók - thôn 2	1,20
		Hết buôn Bhók - thôn 2	Cầu trắng	1,20
3	Đường liên xã	Ngã tư Quốc lộ 27	Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHók	1,20
		Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHók	Ngã ba buôn Ea Khít	1,20
		Ngã ba buôn Ea Khít	Giáp xã Ea Hu	1,20
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			1,10
5	Đường trục chính thôn 4	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường liên xã	1,20
6	Khu dân cư	Thuộc thôn 4		1,20
		Thuộc các thôn: 1, 8; buôn Ea Mta, buôn Ea Mta A và buôn Ea Kmar		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10
IV	Xã Dray Bhang			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Tiêu	Đối diện ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	1,30
		Đối diện ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	Hết đất ông Đặng Văn Thịnh (thửa đất số 10311, tờ bản đồ 21)	1,30
		Hết đất ông Đặng Văn Thịnh (thửa đất số 10311, tờ bản đồ 21)	Giáp xã Hòa Hiệp	1,30
		Giáp xã Ea Bhók	Giáp chợ xã Hòa Hiệp	1,30
2	Tỉnh lộ 10	Ngã tư Quốc lộ 27	Thửa đất số 1632, TBD số 8	1,50
		Thửa đất số 1632, TBD số 8	Đầu thôn Lô 13	1,30
		Đầu thôn Lô 13	Hết KDC tập trung thôn lô 13	1,30
		Hết KDC tập trung thôn lô 13	Đường đi vào xóm đồi khu 5 (hết thửa số 10, TBD 60)	1,20
		Đường đi vào xóm đồi khu 5 (hết thửa số 10, TBD 60)	Giáp huyện Krông Ana	1,20
3		Các trục số 2, 3		1,50

	Khu TT đô thị - Cơ quan hành chính huyện Cư Kuin	Các trục số 5, 6, 7; trục nội bộ (23m)		1,60
		Các trục nội bộ còn lại		1,60
4	Đường liên thôn	Đường song song Tỉnh lộ 10 (thuộc thôn lô 13)		1,10
5	Đường giáp ranh xã Dray Bhang và xã Hòa Hiệp	Ngã ba Quốc lộ 27 (Hết chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	1,10
6	Đường liên xã	Hết thôn Mới xã Hòa Hiệp	Hết buôn Hra Ea Ning	1,10
7	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 thuộc khu vực thôn Nam Hòa			1,10
	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 đến tiếp giáp đường Quy hoạch 36m			1,10
	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27 đoạn từ ngã tư Quốc lộ 27 đến giáp xã Hòa Hiệp (Cả hai bên đường dọc QL 27)			1,10
8	Khu dân cư	Thuộc thôn Kim Châu		1,10
		Thuộc thôn Nam Hòa và thôn Lô 13		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10
V	Xã Hòa Hiệp			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Dray Bhang	Ngã ba đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	1,20
		Ngã ba đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	Hết thôn Thành Công	1,20
		Hết thôn Thành Công	Đến đầu đèo Giang Sơn	1,10
		Đến đầu đèo Giang Sơn	Đến cầu Giang Sơn giáp huyện Krông Bông	1,10
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Hết thôn Mới	1,20
		Ngã ba Quốc lộ 27 (giáp chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	1,20
3	Các đường tuyến 2, tuyến 3 song song Quốc lộ 27, các đường nhánh từ Quốc lộ 27 đến hết đường tuyến	Giáp xã Dray Bhang	Hết nhà thờ Kim Phát	1,20
		Hết nhà thờ Kim Phát	Quốc lộ 27	1,20

	3 (thuộc thôn Kim Phát) Trừ khu vực chợ Hòa Hiệp			
4	Chợ Hòa Hiệp	Các Kiôt trong chợ		1,40
5	Đường tuyến 2 song song Quốc lộ 27 (Khu vực chợ Hòa Hiệp)	Từ nhà ông Hà Đức Minh (thửa đất số 3468, tờ bản đồ 22)	Giáp xã Dray Bhang	1,40
6	Đường nội thôn (thuộc thôn Mới)	Ngã ba đường liên xã Hoà Hiệp, Dray Bhang (Cách Quốc lộ 27 - 635m)	Giáp xã Dray Bhang	1,20
7	Khu dân cư	Thuộc phần còn lại của thôn Kim Phát		1,20
		Thuộc thôn Thành Công và thôn Mới		1,20
		Các thôn, buôn còn lại		1,20
VI	Xã Ea Ning			
1	Đường liên xã	Đập Việt Đức 4	Hết Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'nin	1,20
		Từ cổng chào thôn 15	Đến hết bờ tường công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'nin	1,10
		Hết Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'nin	Ngã tư sân bóng	1,10
		Ngã tư sân bóng	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 360m)	1,10
		Hết đoạn đường thẳng	Giáp xã Cư Êwi	1,10
		Ngã ba cây xăng Đức Hợi	Ngã tư sân bóng	1,10
		Ngã ba chợ Việt Đức 4	Hết ngã ba cây xăng Đức Hợi	1,10
		Hết ngã ba cây xăng Đức Hợi	Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	1,20
		Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Bắc)	1,10
		Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Bắc)	Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Nam)	1,10
		Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Nam)	Giáp xã Ea Bhók	1,10
		Ngã ba cổng chào buôn Puk Prong	Ngã ba đường vào thôn 9 xã Ea Ning	1,10

		Ngã ba đường vào thôn 9 xã Ea Ning	Hết tường rào Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quynh	1,10
		Hết tường rào Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quynh	Đường liên xã (gồm cả hai nhánh đường)	1,10
2	Khu vực chợ Việt Đức 4	Các đường bên trong và giáp chợ Việt Đức 4		1,10
3	Đường liên xã	Cầu trắng	Cổng chào thôn 6	1,10
		Cổng chào thôn 6	Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	1,10
		Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	Giáp xã Cư Êwi	1,10
4	Khu dân cư	Thuộc thôn 8, 14, 15 và 22 (đổi thôn 21 thành thôn 14)		1,10
		Các thôn, buôn còn lại		1,10
VII	Xã Cư Êwi			
1	Đường liên xã	Cầu chăn nuôi	Giáp xã Ea Ning	1,20
2	Đường liên thôn	Từ cổng chào thôn 12	Cổng chào buôn Tách M'Ngà	1,10
3	Đường nội thôn 12 tuyến 1	Ngã tư đường liên thôn	Hết thôn 12	1,10
	Đường nội thôn 12 tuyến 2	Ngã tư đường liên thôn	Đập 45 xã Ea Ning	1,10
	Đường nội thôn 1C	Ngã ba đường liên xã	Đập Tách M'Ngà	1,10
	Đường nội thôn 1A	Ngã ba đường liên xã	Hết khu dân cư thôn 1A (hướng đi Nghĩa địa thôn 1A, 1B)	1,10
4	Khu vực còn lại			1,10
VIII	Xã Ea Hu			
1	Đường liên xã	Cầu trắng	Ngã 3 đối diện cổng chào thôn 6 xã Ea Ning	1,10
		Ngã ba đối diện cổng chào thôn 6 xã Ea Ning	Hết đoạn đường nhựa đi xã Cư Êwi	1,10
		Hết đoạn đường nhựa đi xã Cư Êwi	Giáp xã Cư Êwi	1,10
		Ngã ba đường liên xã đi xã Ea Hu, Cư Êwi	Hết chợ An Bình	1,10
		Hết chợ An Bình	Cổng thoát nước (đầu chợ Ea Tur)	1,20
		Cổng thoát nước (đầu chợ Ea Tur)	Hết đất ông Nguyễn Hiền (thửa đất số 161, tờ bản đồ 79)	1,20

		Hết đất ông Nguyễn Hiền (thửa đất số 161, tờ bản đồ 79)	Hết đất ông Bùi Tỵ (thửa đất số 108, tờ bản đồ 15)	1,10
		Hết đất ông Bùi Tỵ (thửa đất số 108, tờ bản đồ 15)	Cầu Thác đá	1,10
		Cầu Thác đá	Giáp xã Ea Bhook	1,20
2	Đường liên thôn	Ngã ba đường liên xã	Cổng chào thôn 1	1,20
		Cổng chào thôn 1	Hết sân bóng thôn 1	1,20
		Cổng chào thôn 4	Hết sân bóng thôn 4	1,20
		Ngã 3 trường Nguyễn Tất Thành	Cổng chào thôn 7	1,10
		Ngã ba nhà Hùng Nho (Thửa đất 15649, tờ bản đồ số 69)	Ngã ba nhà ông Liệu (thửa đất 45 tờ bản đồ số 79)	1,10
3	Khu dân cư thôn 2			1,10
4	Khu dân cư thôn 1 và thôn 4			1,10
5	Khu dân cư thôn 3			1,10
6	Khu dân cư còn lại			1,10